

LEON TOLSTOI : Nhà văn trước một cuộc chiến

MAI THAO : Văn nghệ và cuộc sống

DƯƠNG NGHIEM MAU : Con mắt đá đen

VIEN LINH : Những mái nhà thấp

KIET TAN : Cơn buồn ngủ

CAO THOAI CHAU : Những bài thơ tình

R. TAGORE CHINH YEN : Tôn giáo của thi sĩ

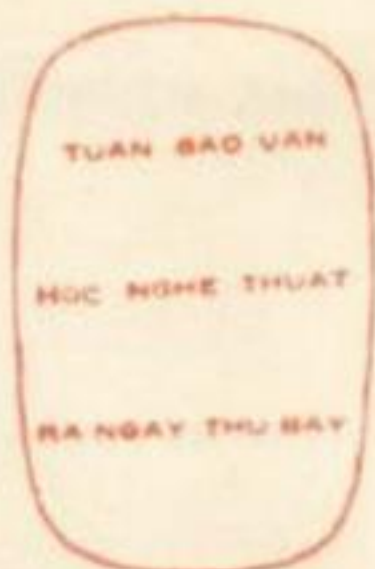
NGUYEN THI THUY VU : Lướt qua ngọn lửa

CUNG TICH BIEN : Đường bay đôi cánh thanh

GUNTER GRASS KHUATLAM : Tin, hy vọng yêu

PHAN TUNG MAI : Vui và buồn

MALRAUX TO THUY YEN : Phận người



Chủ nhiệm, chủ bút : MAI THẢO ☐ Thư ký Tòa soạn : VIEN LINH

nghệ thuật

LÉON TOLSTOI

☐

NHÀ VĂN TRƯỚC MỘT CUỘC CHIẾN

(NGUYỄN KIM PHƯƠNG dịch)

R. TAGORE

☐

TÔN GIÁO CỦA THI SĨ

(CHINH YÊN dịch)

GUNTER GRAS

☐

TIN, HY VỌNG, YÊU

KHUẤT LÂM

☐

CƠN BUỒN NGỬ

KIỆT TẤN

☐

VUI VÀ BUỒN

PHAN TÙNG MAI

☐

LƯỚT QUA NGỌN LỬA

NGUYỄN THỊ THỤY VŨ

☐

NHỮNG BÀI THƠ TÌNH

CAO THOẠI CHÂU

☐

ĐƯỜNG BAY ĐÔI CÁNH THẠNH

CUNG TÍCH BIÊN

TÔ THÙY YÊN — MALRAUX

☐

PHẬN NGƯỜI

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

☐

CON MẮT ĐÁ ĐEN

MAI THẢO

☐

VĂN NGHỆ VÀ CUỘC SỐNG

VIÊN LINH

☐

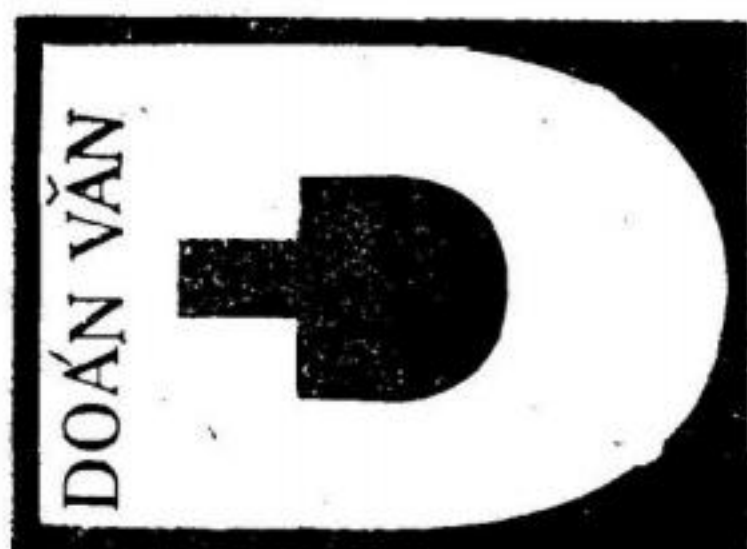
NHỮNG MÁI NHÀ THẤP

CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT : MAI THẢO

TUẦN BÁO VĂN
HỌC NGHỆ THUẬT
RA NGÀY THỨ BAY

THƯ KÝ TÒA SOẠN : VIÊN LINH

Tòa Soạn và trị sự 233 Phạm Ngũ Lão Sài Gòn. Điện Thoại 25.861 — Năm thứ hai, — tuần lễ từ 17.9 tới 23-9.1966



những mái nhà thấp

VIÊN LINH

Tôi ngồi một mình trong căn gác trống, trên một chiếc ghế bành bằng mây. Căn gác rộng trơ trụi với một sàn gỗ đóng bụi, một ít đồ đạc đếm được như cái chiếu, cái bàn, hai cái ghế. Bốn tường thẳng rộng với những cây đinh lẻ loi chơ một sợi giây thép, một cái áo móc lên. Chút ít giấy cũ nằm trong một góc phòng.

Tôi ngồi trên chiếc ghế mây, bắt đầu ngái ngủ chập chờn. Ngoài khuôn cửa sổ mở ra một lòng rãnh

những mái nhà lộ nhô ngói cũ và tôn xám, chiều nằm thiếp trong hơi mê nắng nóng và gió bụi. Thành phố âm ỉ ngủ nổi cuối ngày, một nhòai lợn cợn. Khung cửa nhìn ra một sân thượng xa xa, nơi có những cột cao máng quần áo.

Xóm tôi nghèo, nằm quanh co theo miệt sông dưới cầu Trương minh Giảng. Vào những giờ nghỉ, nhạc Chà và ieo uốn lượn như một con rắn đen ngất ngư, bò lên bò lên. Nó rườn theo tiếng kim khí rất ngất, ngất ngất và trườn xuống một cách buồn thảm.

Những sáng tinh mơ đàn bà áo ngắn đến ngồi xếp hàng dọc các hiên nhà trong xóm. Vào một giờ nào đó, một anh Chà đen thui bước ra, ghi sổ và đưa cho họ mỗi người một trăm hai trăm bạc. Họ vội vã mất hút ở đầu xóm, về một phiên chợ ngoài ô nào. Lát sau anh Chà cấp cấp ra khỏi nhà đi đâu đến đêm mới về.

Tôi ngồi trong chiếc ghế mây nhìn ra khuôn cửa sổ đầy những mái nhà. Căn gác ngạt hơi nắng buổi chiều. Tôi ngồi đó hút thuốc và chập chờn nhìn tới chiếc sân thượng treo đầy quần áo khô bong. Từ đó mùa hạ nồng nàn với hoa phượng rung rung và rời rã, có yêu Saigon mới thương con ngõ quanh co, yêu căn gác trống mở xuống những mái nhà thấp.

« Mỗi năm Hoa về đây. »

Hoa nói gì với người.

Lòng đời chắc nặng lắm.

Hoa nói hoài không thôi. »

Những câu thơ ấy của Huy Cận. Những câu thơ ấy nói về hương sắc ủ ế của loài hoa hàng năm, mỗi năm lại nở đúng kỳ, rồi tàn có hạn, và hoài hoài mãi mãi. Những bông hoa ấy nhắc nhở hàng năm, nhắc nhở có kỳ, nhớ có hạn, và quên miệt mài quên vĩnh viễn. Tôi nghĩ đó là hoa phượng. Tôi nghĩ hoa phượng đó là tuổi Thanh Xuân.

Ở tôi, nó cháy xém như cảnh huệ thui, cấm làm cảnh trên bàn. Và ở bạn bè tôi, nó cũng như vậy.

Chúng tôi lớn lên sau kháng chiến, không tham dự chút gì được với kháng chiến, chỉ yêu kháng chiến qua thơ Quang Dũng, nhạc Phạm Duy, Đỗ Nhuận. Ngày nay kháng chiến chỉ còn với thể hệ chúng tôi, những người chưa ba mươi tuổi, trong câu thơ, trong lời văn. (Kháng chiến cũng không còn trong ký sự lịch sử, bởi chưa có ký sự lịch sử nào nói về nó với nhiệt tình chân thành như thơ Quang Dũng, như nhạc Đỗ Nhuận. Những ký sự ấy quả thật đã bị kể lại và vẽ nên bởi những hình bóng Don Quichotte. Kháng chiến lại

càng không còn ở những nhân vật lịch sử, vốn có tham dự, tranh đấu nhưng ngày nay cấu kết với hiện tại bằng những khế ước có hạn kỳ, như một khế ước khai thác sinh lời, ra ngoài vọng tưởng của thanh niên).

Chúng tôi đã tìm gặp nhau trên đường phố Saigon vào những trưa nắng gắt, những chiều mưa lộp. Cũng chẳng phải để bàn định thảo luận công việc gì ngoài việc học hành, đọc sách. Đôi khi nghĩ đến thanh niên nước ngoài, nhân một người trong bọn họ đi du lịch vòng quanh thế giới ghé Saigon, tôi nao nức cả tâm thần.

Một hôm đọc báo, thấy có một thanh niên chế tạo được một máy bay ngoài Nha Trang, tôi sung sướng. Nhưng tôi biết anh đó không thể nào bay thử được. Không phải anh không có tài, nhưng bởi chúng ta chưa dùng được cái tài đó, dù chúng ta làm việc không vụ lợi.

Quả thật anh ấy không được phép bay thử.

□

Căn gác rút hết đồ nằm hiu quanh với một giấy điện đã rút mất bóng. Cái đuôi đèn hai cực trống buồng giữa quãng không. Thờ gỗ dưới sàn, trên vách, mặt các tông phẳng lì bung bít trên đầu. Căn phòng rộng, bâng khuâng. Bỗng tôi nghe tiếng ghế mây kéo kẹt, mắt mở nhìn nắng vàng Saigon chiều hôm nay về đây.

Tôi ngồi nghe mãi mới thấy tiếng động của mình. Ngoài xóm, một con bò sữa nặng nề đi vào. Tôi nghe tiếng một người Chà và tiếng con bò đi vào mãi, với tiếng chai lanh canh.

Sớm mai tôi sẽ dọn lại đây. Căn gác sẽ mở mãi mỗi buổi chiều trên những mái nhà nhấp nhô sau lưng con đường Trương minh Giảng. Tôi tắt đèn thuốc, ngồi im lặng với hơi mê thiêm thiếp trong phòng.

Ngủ đi, ngủ đi cho quên căn gác Saigon. Căn gác trống, đồ đạc có một cái bàn, một cái chiếu, hai cái ghế và khung cửa sổ. Mai này anh em sẽ thấy tôi mang kính trắng cặp cặp da ở ngoài phố. Đêm về đây nghe nhạc Chà và mơ thấy một con rắn đen. Khung cửa sổ sẽ cho tôi bao hồi âm thành phố này, nơi tôi vẫn đi và vẫn mất hút. Mỗi năm Hoa về đây, Hoa nói gì với người.

VIÊN LINH

VĂN NGHỆ

VÀ CUỘC SỐNG

■ ghi nhận của MAI THAO

Thứ hai 12-9

Đọc hết đoạn cuối cuốn *De sang froid* của Truman Capote đăng trong tạp chí *Express*. T. Capote thực hiện cho văn chương một phong cách mới và cho tiểu thuyết một vai trò mới. Không siêu việt chút nào. Rất giản đơn nhưng cần thiết. Cuộc sống nó như thế đấy. Con người nó như thế đấy. Như thế một gia đình hiền lành bị giết, như thế những kẻ giết người kinh dị, đáng thương, gây trọng tội mà như vô tội. Nói ra, từ đầu đến cuối, không thêm bớt. Sự thật bao giờ cũng có cái giá trị của sự thật. Những điều ghê gớm nhất thường nằm trong một tin rao vặt. Điểm son đáng ghi nhận là công phu người viết trong theo dõi một đề tài. Từng bước một. Chu đáo, Tinh táo. Chấn tởm kẻ ác. Tác phong thực hiện một tác phẩm xứng đáng làm suy nghĩ những nhà văn chỉ nhìn thấy chủ đề như một bóng mây trừu tượng, khi viết ra, bóng mây trừu tượng lại mang hình một trái núi mù sương. Nhưng nhà văn Việt Nam có điều kiện làm việc như Truman Capote không? Câu trả lời muôn thuở là không. Giảm khinh đi cho nhà văn Việt Nam mỗi buổi sáng phải có ba trang viết cho tiểu thuyết hàng ngày để sống.

Thứ ba 13-9

Không làm thơ, tôi lại sống gần với thơ từ mấy tuần nay. Qua sự phụ trách một chương trình thi ca mới cho đài. Tìm những bài thơ khỏe, trẻ, có lửa, ngời ca đất nước, động viên tinh thần chiến đấu nhưng không rơi ngã và tuyên truyền làm thường, là một chuyện thật khó khăn. Tiêu chuẩn lựa chọn duy nhất. Cảm thấy bài thơ có nhiệt tình chân thật. Là được. Cũng là tạm. Không công thức không giả tạo đã là một điều đáng quý. Nhiều nhà thơ chúng ta đi tìm cái độc đáo đã vô tình khép kín trong cái riêng tây. Muốn làm thơ cho cao, thành ra làm thơ khó. Ánh sáng, đời sống, khi trời, đó là thơ, theo tôi. Chủ đề của thơ bởi vậy là ánh sáng, khi trời và đời sống. Tôi không nghĩ kẻ nào chỉ muốn chết, chỉ muốn ngủ, chỉ muốn quên, chỉ muốn thôi, kẻ đó là thi sĩ. Thơ là mở đường cho văn chương, thí nghiệm cho ý thức, khám phá cho ngôn ngữ. Vai trò của nó, không nói đâu xa, đối với tiểu thuyết và kịch mà thôi, bất thơ phải đi trước, và bởi vậy mà thơ phải khỏe.

Thứ tư 14-9

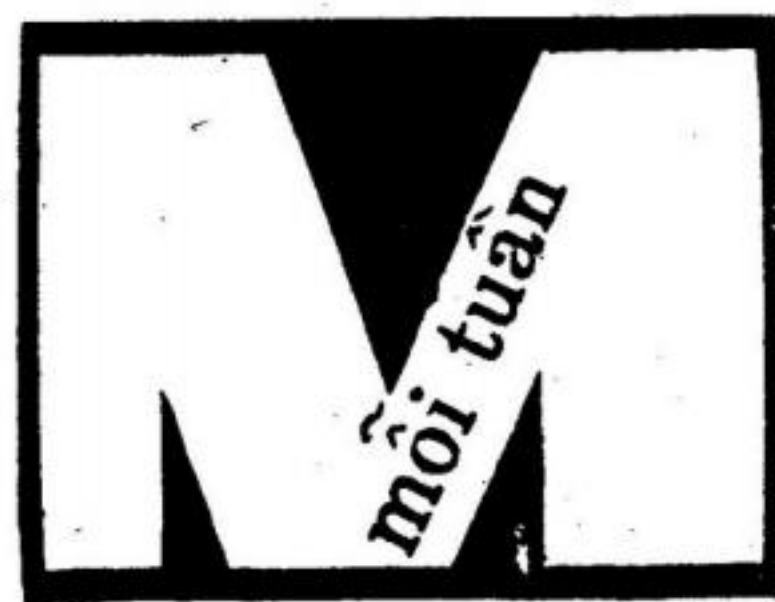
Quản lý tôi lại phải mất 10 phút để lục tìm trong chồng báo Nghệ Thuật những số cũ, lấy những số có đăng vở kịch ngắn Thành Phố Ấy cho Trần Lê Nguyễn. Mỗi ngày, y mấp ra. Bụng tròn hoay từng tảng mỡ lá. Hình hài người viết kịch và mê kịch từ kháng chiến này, hồi gần đây, không thôi tăng thêm trọng lượng. Nhưng mà trọng lượng của sinh hoạt kịch nói. Saigon vẫn nhẹ lắm. Còn bần bật. Chưa thành hình. Đường vào Tây Xuyên Ba Thục khó hơn đường lên trời. Kịch nói Việt Nam, cái con đường diễn tiến của nó cũng khuất khúc cheo leo như đường biên giới Trung Hoa trong thơ Lý Bạch. Chữ Hán gọi là thiên nan vạn nan đó. Tôi hỏi Nguyễn. « Lại làm kịch ». Louis Jouvet Việt đồng dạng: « Chứ sao ». Cái lắc đầu ngơ vờ của tôi làm y khoái chí lắm « Tiền ở đâu ra? » — « Không ở đâu ra hết, nghĩa là không có tiền. Nhưng vẫn làm, làm được. Thế mới giỏi chứ! » Phục ông lắm, ông Nguyễn. Nhưng làm đi. Và lần này, cố gắng làm được cái việc đạo diễn kẻ khác, chứ đừng « tôi đạo diễn tôi » nữa. Buồn lắm.

Thứ năm 15-9

Nghệ Thuật vẫn chìm đầu trong những trở lực thực tế mấy tháng nay càng chồng chất thêm trên sinh mệnh mong manh một tờ báo hàng tuần. Giá giấy leo thang. Giá bla tăng gần gấp đôi. Nhà in. Vấn đề thợ và hàng nghìn vấn đề không tên, nhưng biểu diễn hết mọi khó khăn bằng những hàng chữ số. Làm thế nào cho tờ báo sống, cho diễn đàn này còn được là một đất đai hợp mặt, cho những người viết mới còn được thấy bản thảo mình in ra, cho Nghệ Thuật tuần này, tuần sau vẫn còn được gửi đến những người đọc nó? Một vài bạn hữu trong giới phát hành góp ý kiến với chúng tôi là thay đổi nội dung đi. Cho tờ Nghệ Thuật thương mại hơn. Ướt hơn. Nhưng như thế cũng có nghĩa là tầm thường hơn, nhảm nhí và giải trí. Không được. Tờ báo này, còn đứng vững tới ngày nào, tới ngày đó, nó còn là tiếng nói của văn chương, diễn đàn của nghệ thuật.

TÒN GIÁO CỦA THI SĨ

(tiếp theo và hết)



TIẾNG NÓI MỘT TÁC GIẢ

V

Đối với cá nhân, cơ hội tốt nhất để đạt tới việc thực hiện như vậy (1) vốn đã có trong xã hội loài người. Đó là một sáng tạo tập thể của con người, mà trong ấy thực thể xã hội của nó (son être social) được tìm thấy trong chân lý và cái đẹp. Nếu xã hội này chỉ biểu thị lợi ích, nó sẽ rời rạc bất phân minh như một ngôi sao tắt lịm. Nhưng trừ phi nó không suy biến thì bằng những tác động điều hợp; nó phát hiện một chân lý sống động và tạo ra một cá tính.

Trong đời sống tương quan xã hội rộng lớn này, con người cảm nhận bí nhiệm của Hợp Nhất, như cảm nhận bí nhiệm của âm -hạc. Từ cảm thức về Hợp Nhất này, người ta tiến gần tới chỗ lý hội Thượng Đế. Và vì vậy mọi tôn giáo đều bắt đầu với Thần Linh của bộ lạc.

Vấn đề tiên khởi mà các nền văn minh của ta phải đáp ứng, không phải để biết phẩm và lượng những nguồn lợi của chúng, mà để biết chúng biểu hiện cái gì và cách nào. Trong một xã hội, nếu những ai không chạy theo mục đích nào đó của đời sống tinh thần nhằm kèm thúc họ thì sự tích trữ và lưu hành tiền tệ có thể kéo dài như một đường thẳng. Vì phát triển không phải là lối tăng tiến này nhằm gia tăng kích thước vật chưa hoàn tất: phát triển chính là cuộc vận động của một toàn thể (un tout) hướng về một toàn thể hoàn bị hơn. Những sinh vật tùy thuộc tính năng này (cette faculté) ngay khi ra đời. Vì vậy lúc sơ sinh, đứa trẻ cũng có sự toàn hảo đặc biệt của nó (sa propre perfection); nó trở nên xấu nếu sinh ra như một sinh vật thiếu sót. Cuộc sống là một quá trình diễn tiến của tổng hợp chứ không phải tổng cộng. Mọi hoạt động nhằm kiếm tiền và thụ hưởng đồng tiền đều dựa vào tinh thần toàn hảo ấy, khi chúng dung hợp trong một lý tưởng sáng tạo; bằng không chúng mang bộ mặt phi lý của tính cách trường cửu bất toàn; chúng chỉ giống như những đầu xe lửa chạy trên đường rầy không có nhà ga, để phải hư hỏng trong một cuộc đụng chạm tàn khốc hay trong một cuộc đổ vỡ đột ngột của bộ máy căng thẳng đến tột độ.

Do nguồn sáng tạo, con người biểu thị chân lý, và do sự biểu thị này, con người lại tìm thấy chân lý trong toàn vẹn. Xã hội loài người muốn rằng con người phải đạt tới lối biểu thị cao nhất, và theo sự toàn hảo của nó, tính cách biểu thị này dẫn dắt ta đến chỗ thực hiện hoàn thiện trong nhân loại. Khi nó mờ tối, niềm tin trong Vô Hạn cũng giảm đi rất nhiều, mọi ước nguyện của con người rồi cũng không vượt khỏi tham vọng thành công. Niềm tin nơi vô hạn mang tính cách sáng tạo; tham vọng thành công mang tính cách kiến thiết; một đảng là tổ ấm, một đảng là văn phòng. Bởi những bách bức ngày thêm trĩu nặng cuộc sống, nền văn minh trở thành rộng lớn, mà mỗi tổ ấm chỉ là từng chi nhánh đơn giản. Sự chú tâm theo đuổi thành công mang lại cho xã hội đặc tính mà ở Ấn Độ gọi là *Shudra*. Lúc chiến đấu *Kshatriya*, chàng hiệp khách cũng chỉ vì danh dự mà vùng gươm giết địch, đây là lý tưởng của chàng và cao thượng hơn chính chiến công ấy; trong khi tên đánh mướn *Shudra* chỉ cần thành công. Chữ *Shudra* tượng trưng một cá nhân không có gì ưu tư khác hơn là nguồn lợi tư hữu của nó; chữ ấy còn biểu thị một lối phân hạng gồm những người trong tình trạng máy móc, mất hẳn nhân tính. Họ giống những dĩa dày hay những khối óc lang bạt; chúng ta cảm thấy thương hại và sẵn sàng cầu xin Thượng Đế: « Lạy trời, xin ơn trên phủ lấy mình họ một mảnh vải của Cái Đẹp và cuộc sống »!

Khi Shelley, bằng cặp mắt nhìn đời của ông, linh hội Tinh Thần Cái Đẹp, là ảnh tượng của Vô Hạn, thì đây ông khẳng định đức tin của ông bằng những vần thơ sau đây:

... Chẳng đời nào nỗi hân hoan làm sáng lạn vầng trán tôi, cũng chẳng liên quan đến hy vọng mà tinh thần Cái Đẹp giải thoát cuộc đời này ra khỏi thân phận nô lệ đen tối. Và, Cái Đẹp dễ gây ngất kia, mày có thể mang lại những gì mà lời nói không đủ phát biểu trọn vẹn.

Đức tin Vô Hạn của ông là như thế; nó đưa nguyện vọng của ông hướng về bầu không khí tự do và toàn hảo, ngoài sự ràng buộc của mọi thực thuộc và trên cả mọi thành công. Đức tin nơi Thượng Đế, nơi thực tại của lý tưởng và toàn hảo đã kiến tạo cái gì cao đẹp trong thế giới này. Đọc

theo con đường khúc khuỷu, tiếp tục đi vô định chỉ mang lại cho ta những kết quả bông lông và vô bổ. Một chuỗi dài đơn giản các nốt nhạc chưa hẳn đã tác thành một bản nhạc và bài ca chỉ được sáng tạo khi một ý nhạc nào thoát đến giữa chuỗi âm thanh. Niềm tin chúng ta nơi thực tại vô biên của Toàn Hảo (la réalité infinie de la Perfection) là ý nhạc ấy, và mãnh lực sáng tạo hợp nhất và lớn lao ấy hiện hữu trong nền văn minh của chúng ta. Khi niềm tin không thức tỉnh, ấy là lúc sự tin tưởng về mãnh lực đồng tiểu và khả năng vật chất sẽ tiếm vị nó; nó chiến đấu, hủy diệt và, trong đợt pháo bông bùng sáng (dans un feu d'artifice étincelant) giống như trận mưa sao, nó đột nhiên kiệt sức và tàn tạ thành tro bụi và khói mây.

VI

Những nhà thần bí thường kêu gọi chúng ta rán giữ những nguyện vọng lớn lao; đều mà nhiều người dè dặt không ngót chế nhạo, cho rằng chúng ta không phù hợp thực tế. Những nhà thi sĩ thừa biết thực tại con người phải rút tủa từ chiều sâu u kín do lòng tin của con người, đó chính là nguồn sáng tạo. Những kẻ vô thần đã từng nhạo báng và tìm cách hủy diệt Đức tin. Song Đức tin vẫn trường cửu nhờ mãnh lực thiêng liêng của các vị tuần tiết vì đạo. Một tân kỷ nguyên mang những đăm mây sấm sét và được khai sinh trong cơn hấp hối của thống khổ nhân loại phải chăng không thể hình thành trong hôm nay? Phải chăng hiện giờ chúng ta không mong đợi lời kêu gọi của Đức tin đang nhấn nhủ: Hãy vượt khỏi mọi hữu hạn hiện tại. Các người phải đạt cái bất khả thể (l'impossible): các người trở thành bất tử ».

- ☐ TIỂU LUẬN RABINDRANATH TAGORE
☐ BẢN DỊCH: CHINH YÊN

Những quốc gia không thừa nhận lời gọi ấy, đặt tin tưởng vào hệ thống hiện hành của sự tất thắng về cơ giới chủ nghĩa, không tư tưởng, không đón nhận người khách bất ngờ đến như một sứ giả giải phóng, những quốc gia ấy vẫn bị coi như thất trận mặc dù có phú cường đến đâu cũng mặc.

Cái thế giới bao la này, với tư cách sáng tạo, biểu thị của Vô Tận — vẫn không ngớt kêu gọi chúng ta — lúc buổi rạng đông vui tươi trước mọi sinh hoạt vừa mới thức dậy và lúc những ánh sao chiều cùng kẻ lữ thứ, uể oải, kiệt sức, ngời ca niềm hạnh diện đặc thặng của cuộc sống trong một kiếp đời sinh bởi cái chết. Tiếng gọi của nó vẫn luôn luôn thức tỉnh nguồn sáng tạo trong ta, thúc dục ta tìm ra chân lý. Lời gọi không ngừng yêu cầu ta hợp tác với Thượng Đế bằng những sáng tác riêng tư, nhắc nhở ta nguồn gốc thiêng liêng tìm thấy trong tự do tinh thần. Xã hội chúng ta tồn tại nhằm nhắc nhở ta, bằng những lời khác nhau, nền chân lý tối thượng của con người không hoàn toàn thuộc về trí năng hay vật chất dồi dào nhưng nó nằm trong lãnh vực sáng suốt của tinh thần, trong sự nảy nở của thiện cảm để vượt ra ngoài các chuồng ngai giai cấp và chủng tộc; trong lối nhận thức cuộc đời, không chỉ giống như « nhà kho » sức lực, nhưng còn giống như « lăng miếu » của tinh thần con người, với khúc nhạc đời đời của cái đẹp và ánh sáng phản ánh sự hiện hữu thiêng liêng.

(1) tiếp ý của bài kỳ trước: «... sáng tạo đích thực là sự thể hiện chân lý bằng ngã đường thực hiện trong những đặc trưng của chúng ta ». (Người dịch chú thích).

THỜI MỚI vừa phát hành

- ☐ DỊCH HẠCH — giá 140đ
Truyện của Albert Camus — Bản dịch của bác sĩ Hoàng văn Đức
- ☐ CÁC TRAO LƯU LỚN CỦA TƯ TƯỞNG HIỆN ĐẠI (In lần thứ ba) — giá 24đ
Tiểu luận triết học của André Maurois
Bản dịch của Trùng*Thiên
- ☐ VỀ MỘT XÓM QUÊ (In lần thứ hai) giá 60đ
Tập truyện của Võ Phiến

Sắp phát hành

- ☐ ĐÀN ÔNG
Truyện dài của Võ Phiến

MỖI NGƯỜI Ý THỨC VÀ TỰ ĐỘNG TÌM ĐỌC:

Sau Lưng Các Người

TẬP CHÍ CỦA MỘT LỚP NGƯỜI TRƯỚC
CHIẾN TRANH VÀ THÂN PHẬN

SỐ 1 PHÁT HÀNH THÁNG 10

Chủ nhiệm: NGUYỄN LÊ CANG

BAN CHỦ BIÊN:

— TRIỀU SAO DẠY — NGUYỄN VĂN HỒNG
— NGUYỄN NHƯƠng NGHIỆM — CAO THOẠI CHÀU — NGUYỄN PHAN THỊNH
— XUÂN THAO — PHƯƠNG TẤN — DU TỬ LÊ — TRỊNH KHẮC HỒNG..

CƠ'N

BUỒN

NGỦ

Tôi thức dậy, trời nắng dữ dội. Muốn chết. Hay bằng cách nào đó cho tôi không còn nhìn thấy tôi nữa. Hình ảnh đứt đoạn nhảy sồ vào đầu : những người rình mò tìm cách hạ sát nhau trong đêm tối, những tiếng súng nổ bịch bịch vì... cũng có thể chẳng vì gì cả. Lần nào ngủ trưa dậy cũng ngăn ý tưởng tự sát và ngăn hình ảnh khổ nạn đó. Tôi nằm cắn đầu cả một bữa vai. Tôi xuống nhà dưới.

Ba tôi ngồi ở bàn uống bia với người anh rể tôi. Mặt ông đỏ, mắt ông lừ đừ. Mẹ tôi ngồi ở ghế gần đó. Tôi xuống nhà sau rửa mặt. Nhớ tới Vân, đứa cháu gái của tôi giờ này đang ở trong chiếc chuồng lớn nhất những người điên. Chiều hôm qua chúng tôi đã đến thăm nó. Những cánh tay với giữa hàng song sắt. Từ trong đó ra tiếng ồn ào như hộp chợ và mùi thân thể hơi hám làm tôi chảy nước dãi. Mập ốm, đứa tóc rối, đứa hớt tọc, đứa chột mắt, đứa cười nhe răng sùs, đứa gọi má khóc ò ò. Không thấy nó đâu. Ba nó gọi tên nó một chập mới thấy nó chen được ra đứng trước. Hai tay vịn song sắt nó ngó chúng tôi khóc ròng. Nó nói với ba tôi : ngoại ơi ngoại ngoại cho con về nghe ngoại con hết điên rồi con không phá nữa đâu ngoại cho con về nghe ngoại. Nó gầy đi rất nhiều, mặt nổi đầy mụn đen. Nó vén tay áo : ngoại coi nè tui nó ngắt con bầm mình hết tui nó đứt tóc con, con hết điên rồi ngoại, cho con về nghe ngoại.

Chúng tôi xin phép được mang nó ra ngoài để cho nó ăn cháo. Nó vẫn nói không ngớt mồm. Nó không chịu ngồi đối diện với anh rể tôi, anh đến trước mặt là nó quay đi nơi khác. Anh rể tôi nói có lẽ hôm trước

vì nó cứ đi theo bọn con trai cả ngày, anh ấy bắt nó khóa chân vào cột nhà nên bây giờ nó còn giận anh ấy.

Nó nói : chừng tui về ba biết tui tui chờ ba ngủ tui nấu chi đồ vô lò tai ba, tui lấy kim đâm vô mắt ba cho ba hết thấy đường cho ba hết làm tàng.

Má tôi, con nhỏ này nói gì kỳ cục, ba mầy mà mầy nói vậy không sợ mang tội sao. — Ai biểu ông ác với tui chi thế nào tui cũng nấu chi đồ hổ tai ông mà. — Thôi thôi, mầy nói nữa tao trả mầy vô chỗ nhốt hồi này bây giờ.

Ba tôi : nó chửi như vậy cũng đáng con nhỏ như vậy mà nó đem vô đây bỏ đành đoạn.

Mẹ tôi, con nhỏ có điên là cũng tại vợ chồng tui bây hết. Hồi lúc vợ mầy sanh không chịu vô nằm nhà thương, để ở nhà bà nội nó làm sao mà khi con nhỏ ra cái đầu mềm mụp tưởng nuôi không được rồi. Rồi hồi con nhỏ mới biết đi lầm đấm nó hay phá mà vợ mầy thiết ác, nó đánh con nhỏ toàn bằng củi bửa không mà biểu con nhỏ không khùng sao được.

Anh rể tôi : con nhỏ điên kỳ này là tại vợ tôi đó. Nó cho con nhỏ tiền đi uốn tóc bị nóng quá nên mới điên trở lại. Mà cũng tại con nhỏ này nữa. Nó cứ theo vợ tôi xin tiền uốn tóc tối ngày. Nó uốn tóc để diện với con trai. Mới 17 tuổi mà nó biết muốn chồng rồi. Chắc nó muốn không được nên mới điên chớ gì.

Àu xong chúng tôi dẫn nó dạo một vòng sân cỏ nhà thương. Nó cứ lải nhải : ngoại ngoại ngoại cho con về nghe ngoại. Trong những lúc nó nổi cơn chỉ có ba tôi là không đánh mắng gì nó. Nhà thương không còn phòng trống nên không thể gửi cho

nó được giữ riêng. Chúng tôi phải vỗ về cho nó trở vào chiếc chuồng cũ. Mẹ tôi cho nó một gói kẹo tròn xanh đỏ. Nó cầm gói kẹo rung rung nước mắt : ngoại đừng bỏ con luôn ở đây nghe ngoại con hết điên rồi mai ngoại cho con về nghe ngoại.

Tôi ra cổng trước, không muốn thấy nó đứng vịn song sắt ngó theo. Nó không chọn đứng đó, nó không được chọn sinh trong nhà thương, bây giờ nó đứng đó, mụn nổi đầy mặt.

Trách nhiệm ? Nhưng trách nhiệm để làm gì khi không ai điên được cái điên của nó ?

Tôi đến ngồi ở bàn với ba tôi và anh rể tôi.

Ba tôi nói : bây giờ tui bây tính sao ? chớ tao, tao tính nếu chiều nay tới mà nhà thương cũng chưa có phòng trống thì đem con Vân về, bỏ con nhỏ ở đó tao không yên bụng. Anh rể tôi : tôi sợ đem nó về đây không có ai coi chừng nó. Phần tôi còn phải về dưới lo làm ăn. Ở đây là nhà chị Ha', tôi sợ đem nó về đây nó làm phiền phức chi...

Mẹ tôi : con nhỏ này phải coi chừng nó sát bên mới được. Nó phá phách đồ đạc không nói gì, chớ để nó lục lạo trên bàn thờ không nên. Hôm trước nó mới có cơn nó lôi chuồng mõ trên bàn thờ Phật của tao xuống chơi nên nó mới bị quỷ điên giữ vậy đó.

Ba tôi : bà thì chỉ chuyên môn dị đoan. Phật, Phật cái gì ?

Phật là Phật tao là tao. Bà tối ngày lay lục nắn nỉ mà nhắm sống hoài được sao ? Tao không lay ai hết, thằng nào giỏi quỷ tao đi !

Mẹ tôi : ông nói không để đức lại cho con cháu, hèn gì cháu ông nó điên đó...

Tôi khui chai bia khác và rót cho tôi một ly. ■

Tôi mang cộ ra sơn lại chiếc cửa
hà trước để tránh giấc ngủ trưa.
ó tiếng tây ban cầm chạy ngoài hè.
ự nhiên công việc đang làm gây
ho tôi thích thú, một sự thích thú
ít tầm thường mà tôi không còn
n được mấy lúc gần đây khi làm
ất cứ việc gì, ngay cả việc làm ai
nh hay sáng tác.

Ba tôi đến đứng cạnh tôi, ông đưa
y bìa cho tôi uống. Ông uống bìa từ
áng tới giờ; bỏ cả buổi cơm trưa.
Ông nói lớn giọng : cái thằng anh
ê mày là một thằng khốn nạn
ó không ngó ngang gì tới con
ái nó, tình yêu ai không có mà tại
ao nó cấm người khác yêu con gái
ên lên phải muốn chổng chơ tại sao
ó cấm cản thiệt cái thằng mọi rợ
nà mày biết không một mình nó
ai ba vợ mà con Vân muốn chổng
ó không cho thiệt cái thằng chó đẻ.
ó cũng như cái thằng Ngọc hoàng
của má mày vậy ề ề mày biết ở trên
rời chỉ mình nó được quyền có vợ
hỏi nghe mày chẳng những nó có
con mà nó có tới cháu nữa cái
thằng Dương tiến đó... vậy mà trên
trời đưa nào hó hé là nó đây xuống
phạm liên thiệt cái thằng khỉ không
lò... ề ề mày biết thằng Tiết đình San
vời con Phan lê Huệ hồi đó tại nó
cũng là tiên đồng ngọc nữ trên trời
hồi đó tại nó đứng hầu rượu mới

liếc nhau một cái mà bị thằng Ngọc
Hoàng đây xuống phạm liên nó chỉ
nuốn một mình nó có quyền yêu
thối thiệt cái thằng mắc dịch lâu
năm cái thằng..

Em lên lầu coi bé Chi sao nó lạ
quá — chị Hai tôi từ nhà sau bót
hải chạy ra nói với tôi — nó ngủ
bởi mười giờ tới giờ mà chưa thức,
chị sợ nó đói bụng chị đánh thức
nó mà nó vẫn cứ ngủ hoài.

Tôi lay lay bé Chi, nó không có
phản ứng gì, người nó mềm nhũn.
Mọi người trong nhà đổ xô lên.

Tiếng chị Hai tôi : trời ơi ! chai
xi rô Prométhol mới mua hôm qua
sao hết rồi ? trời ơi ! chắc ai cho
con bé Chi uống hết đây, thôi nguy
rồi ! thứ thuốc này trị ho với mất
ngủ con nít mỗi lần uống có một
muỗng mà uống hết chai như vậy
thì chết rồi trời ơi ai cho con bé
Chi uống vậy, bây giờ làm sao đây ?

Mọi người lao nhao. Một đứa cháu
tôi đứng đó nói : hồi sáng hồi bé Chi
khóc con thấy chị Vân lấy chai này
pha với nước... chỉ làm nước đá xi
rô chỉ đổ bé Chi nín... chỉ cũng có
uống nữa.

Chị Hai tôi : tôi biết mà, tôi biết
đem con Vân về đây không được mà
bây giờ làm sao đây nè trời ơi !

Anh rể tôi : thiệt tình con nhỏ này

truyện ngắn
· KIỆT TẤN

nó hại tôi tới cùng mà, tôi nói đem
nó về đây chưa được mà ba cứ cãi.
Anh chạy xuống nhà dưới.

Chị Hai tôi nói với tôi : em lấy
xe đưa chị với bé Chi vô nhà thương
cho bác sĩ xem sao, nguy quá trời
ơi là trời !

Tôi bế bé Chi xuống nhà dưới.
Cửa phòng Vân mở toang. Anh rể
tôi đang nằm hai vai nó lay rất
mạnh, người nó cũng mềm nhũn :
sao mày hại tao hả Vân sao mày hại
tao ? Bàn tay anh đập qua đập lại
trên mặt nó, bốp bốp bốp : sao mày
hại tao ? Nó phát tiếng ư ừ. Bốp bốp
bốp. Tôi quay đi còn thoáng nghe
lí nhí : sao đánh tui sao đánh tui..

Ai khao-khát Hòa-Bình ?

Ai vận động Hòa-Bình ?

Ai tẩy chay Hòa-Bình ?

Ai hoài nghi Hòa-Bình ?

Ai khiếp sợ Hòa-Bình ?

HÃY TÌM ĐỌC NHẬT BÁO

HÒA BÌNH

**HÒA BÌNH vì DÂN MÀ NGHĨ, vì DÂN MÀ NÓI
vì DÂN MÀ VIẾT,**



phận người

nguyên tác ANDRÉ MALRAUX □ bản dịch TÔ THUY YÊN

— 14 —

4 giờ sáng.

Ông già Gisors vò mảnh giấy xé rách tưa trên đó Tchen đã viết tên chàng bằng bút chì, và bỏ nó vào túi áo ngủ của ông. Ông nóng lòng gặp lại người học trò cũ. Tia nhìn của ông quay lại với người đối thoại hiện diện, một người Tàu rất già có vẻ mặt của một quan viên trong Công Ty Ấn Độ, mặc áo dài thụng, đang bước về phía cửa, từng bước nấn, ngón tay gõ lên, và nói tiếng Anh. «Nền duy trì sự phục tòng tuyệt đối của phụ nữ, chế độ thể thiếp và cơ quan mãi dâm. Tôi sẽ tiếp tục cho đăng những bài báo của tôi. Chính vì tổ tiên của ta đã nghĩ như vậy mới có được những họa phẩm đẹp này (lão chỉ bằng cái nhìn con phượng hoàng xanh không động đậy khuôn mặt, tưởng chừng lão chỉ nheo mắt với ông) mà ông hãnh diện, và tôi nữa cũng hãnh diện. Người đàn bà phục tòng người đàn ông cũng như người đàn ông phục tòng Quốc Gia, và phụng sự người đàn ông ít khác khổ hơn là phụng sự Quốc Gia. Chúng ta sống

cho chúng ta chăng? Chúng ta chẳng là gì cả. Chúng ta sống cho Quốc gia trong hiện tại, cho cương trật của những người đã chết, xuyên qua hạn kỳ của các thế kỷ...»

Lão sẽ đi ra chưa? Cái con người bầu vùi vào quá khứ của mình, ngay cả ngày hôm nay (những tiếng còi chiến hạm chẳng đủ để làm đầy đêm tối hay sao...), đứng trước nước Trung Hoa bị gặm mòn bởi máu. Lão còn mang lấy cái thơ mộng của vài gã điên nào đó. Cương trật! Những đoàn lũ bộ xương khô mặc áo dài thêu, thất lạc trong cùng tận thời gian thành từng đám hội im lìm: đứng trước mặt, Tchen, hai trăm ngàn công nhân các xưởng dệt, đám đông ghê khiếp gồm những phu phen. Sự phục tòng của những phụ nữ? Mỗi tối, May kể lại những vụ tự sát của các nàng hôn thê... Lão già ra đi: «Cương trật, ông Gisors à!...» sau một cái chào nhún nhảy của đầu và đôi vai.

Ngay khi ông nghe cánh cửa khép lại, Gisors gọi Tchen và cùng chàng trở lại căn phòng phượng hoàng,

Lúc Tchen bắt đầu bước, chàng qua mặt ông, nhìn nghiêng ba phần

tư, Gisors ngồi trên một trong những chiếc đi vắng nhớ đến một coi điều hân Ai Cập mà Kyo đã giữ tấm ảnh chụp vì cảm tình đối với Tchen. «bởi lẽ nó giống hân». Đúng vậy, mặc dầu những gì mà cặp môi to đầy đường như biểu hiện của tính tốt. «Tóm lại, một con điều hân đã được François d'Assise cảm hóa», ông nghĩ vậy.

Tchen dừng lại trước mặt ông:

— Tôi đã giết chết Tang Yen Ta, chàng nói:

Chàng đã nhìn thấy trong tia nhìn của Gisors một cái gì gần như dịu dàng. Chàng khinh miệt sự dịu dàng, và nhất là sợ nó. Cái đầu chàng tụt giữa đôi bờ vai mà dáng đi nghiêng nó về phía trước, cái xương ngạnh tròn của chiếc mũi chàng, làm tăng thêm sự đồng dạng với con điều hân, mặc cái thân thể mập mạp của chàng; và cả cặp mắt mỏng nhỏ của chàng, gần như không có lông mi, khiến liên tưởng đến một con chim,

— Có phải về điều đó mà anh muốn nói chuyện với tôi?

— Phải.

— Kyo biết không?

— Biết.

Gisors nghĩ ngợi. Bởi lẽ ông không muốn trả lời bằng những định kiến, nên ông chỉ có thể tán thành. Tuy nhiên ông vẫn cảm thấy hơi khó chịu khi làm như vậy.

«Tôi già mất rồi», ông nghĩ.

Tchen từ chối bước tới.

— Tôi cô đơn một cách lạ lùng, chàng nói, nhìn ông Gisors ngay thẳng mặt.

Ông này bối rối. Điều mà Tchen bầu vùi ông không làm ông ngạc nhiên: từ mấy năm nay, ông là bực thầy của chàng theo nghĩa Tàu của danh từ—hơi ít hơn cha chàng, nhiều hơn mẹ chàng, từ khi những người này chết đi, có lẽ Gisors là người độc nhất mà Tchen cần đến. Điều mà ông không hiểu, đó là Tchen, có lẽ đã gặp lại những đồng chí của mình trong đêm nay, bởi vì chàng vừa gặp lại Kyo, lại có vẻ quá xa cách với họ.

— Nhưng những người khác? Ông hỏi.

Tchen nhìn thấy lại họ, trong gian sau của cửa hàng người bán đĩa hát, chìm vào trong bóng tối hay trời lên từ bóng tối tùy theo sự đóng cửa của ngọn đèn, trong khi con đé gáy.

— Họ không biết.

— Không biết là anh à?

— Cái đó, họ đều biết: chẳng quan hệ gì.

Tòa soạn đã nhận được thư và bài của các bạn.

Thơ

Hàn Nguyên Vinh — Trần Thanh Đào — Phạm Tuyên Nho — Cung Dạ Nhã — Dương Lê Thủy — Hoài Nhân — Thái Ngọc San — Tiêm Tịnh Phan Thiệu Huy — Thái u. Hậu — Từ Hoài Tấn — Áo Ảnh — Vĩnh nh — Phạm Nhã Uyên — Võ Quê — Trần dza Lữ — Vũ ngọc Đức — Nguyễn Ngọc Triều — Lưu Nguyễn — Nương Tử — Trần Uyên Tử — Đồng Diệu Phương.

Văn

Lê Thế Vũ — Thương Thiết Tha — Ngym — Thái Thảo Uyên — Nghiêm Tuấn — Vũ Luân Sa — Nguyễn T. Sơn — Lương Lê Huyền Chiêu — Hồ Phú Trường — Lê Xuân Liên — Mền Biền Yên — Phạm Vương — Vương Đăng Mai — Nghiê n Dũng — Hanh Vy — Lâm Hoàng Liêh — Tình Yêu Du Mục — Trần Thiện Mai — Trần Thế Thủy Triều.

Nếu sau 4 số chưa thấy bài mình đăng, các bạn hãy gửi cho Nghệ Thuật những bài khác. Thân ái.

N. T.

Nhắn tìn

Bạn VIÊN MINH — Khi được bài của người viết mới sẽ chuyển qua mục Đoàn Văn, hoặc truyện ngắn. Không đăng bài dịch của người viết mới — Khi được, sẽ tính chuyển xuất bản.

CHÂU BĂNG TÂM — Đã nhận được cả. Có cho ngâm một bài trên Đài Saigon, đêm thứ năm trước.

Ô. PHẠM ĐÌNH KHƯƠNG (Huế) Ông gửi cho 85đ (tiền tem) chưa kể lệ phí bưu điện — (Số Xuân gồm 2 số 14 và 15).

CHU THI — Sẽ chuyển thơ cho nhạc sĩ Phạm Duy.

Bạn KỲ LÊ VĂN — Sẽ đọc và trả lời bài bạn sau.

LÊ THẾ VŨ — Cứ viết. Đang đọc

— Người đàn bà đầu tiên anh đã ngủ hẳn nhiên là một gái điếm, phải không? Gisors hỏi một cách dịu dàng.

— Tôi là người Tàu, Tchen đáp với sự thù hận.

« Không », Gisors nghĩ. Ngoại trừ đức tính của chàng, có lẽ vậy, Tchen không phải là Tàu. Những người di cư của tất cả các quốc gia tràn đầy ở Thượng Hải đã chứng minh cho Gisors thấy con người xa xa lìa khỏi quốc gia mình biết bao nhiêu theo kiểu thức quốc gia, nhưng Tchen không thuộc nữa vào nước Tàu, kể cả bởi kiểu thức mà chàng đã lìa bỏ nó, một sự tự do hoàn toàn, gần như vô nhân, đã hươu toàn xô đẩy chàng về với những ý tưởng.

— Anh đã cảm thấy gì, sau đó? Gisors hỏi.

Tchen co những ngón tay lại.

— Niềm kiêu hãnh.

— Là một gã đàn ông?

— Đâu không là một con đàn bà.

Giọng chàng không còn biểu lộ sự thù hận nữa, nhưng một nỗi khinh miệt phức tạp.

— Tôi nghĩ là ông muốn nói, chàng tiếp, rằng lẽ ra tôi phải cảm thấy mình... bị chia lìa?

Gisors ngần ngại không đáp.

«... Phải. Một cách ghê gớm. Và ông có lý mà nói về đàn bà. Có lẽ người ta khinh bỉ nhiều cái kẻ mà người ta giết chết. Nhưng ít hơn là những kẻ khác.

Gisors tìm kiếm, không chắc là đã hiểu:

— Hơn là những kẻ không giết người?

— Hơn là những kẻ không giết người; đó chỉ là những đứa trai tân.

(Còn tiếp)



Chàng lại im lặng nữa. Gisors ngần ngại không muốn tra hỏi. Cuối cùng Tchen nói tiếp:

— ... Là lần đầu tiên.

Gisors bỗng có cảm tưởng hiểu được; Tchen nhận thấy điều đó:

— Không. Ông không hiểu đâu.

Chàng nói tiếng Pháp với một nhấn mạnh bằng giọng cổ ở những chữ đơ âm giọng mũi, mà sự pha trộn với một vài đặc ngữ học được của Kyo, khiến người nghe phải ngạc nhiên. Cách say phải của chàng như tuân theo bản năng, đuổi dãi ở dọc hàng chàng: chàng lại cảm thấy lần nữa cái thân thể bị đâm mà chiếc gối cao su hất trả về phía chiếc dao găm. Điều đó chẳng có nghĩa gì hết: Chàng sẽ bắt đầu lại. Nhưng, trong khi chờ đợi, chàng ao ước một nơi trú ẩn. Tình thương sâu xa chàng cần phải giải thích gì hết, Gisors chỉ đề dành cho Kyo thôi. Tchen biết như vậy. Làm sao giải thích đây?

— Ông chưa bao giờ giết người phải không?

Điều đó dường như hiển nhiên đối với Tchen, nhưng hôm nay, chàng ngờ vực những điều hiển nhiên tương tự. Tuy vậy, bỗng dưng, đối với chàng, dường như Gisors thiếu sót một cái gì đó. Chàng ngược mắt lên: Ông này nhìn chàng từ dưới lên trên, những sợi tóc bạc của ông dường như dài hơn vì cử động về phía sau của chiếc đầu, ông băn khoăn vì sự bất động của chàng. Nguyên do là vì vết thương của chàng, mà Tchen đã chẳng nói cho ông biết; không phải vì chàng đau đớn (một đồng chí y tá đã khử độc và băng bó cho chàng) nhưng nó làm cho chàng khó chịu. Cũng như một khi mà chàng nghĩ ngợi, Gisors vẫn tròn trong những ngón tay mình một điều thuộc vô hình:

— Có lẽ là...

Chàng dừng lại, đôi mắt sáng bất động trong bộ mặt của Templier đã được cạo nhẵn. Tchen chờ đợi. Gisors nói tiếp, gần như tàn bạo:

« Tôi không tin là chỉ vì nhớ đến một vụ sát nhân mà anh giao động như vậy ».

Người ta thấy rõ là ông không biết những gì ông nói, Tchen cố nghĩ như vậy; nhưng Gisors đã đánh đúng. Tchen ngồi xuống, nhìn đôi chân của mình.

— Không, chàng nói, tôi cũng chẳng tin là chỉ vì nhớ đến thôi. Còn có cái gì khác, điều cốt yếu. Tôi muốn biết đó là cái gì.

Có phải để biết điều đó mà chàng đã đến đây?

TÔI lặng nhìn chị lang lang xăng sắp dở đủ «ngón» đủ mảnh khỏe mà tôi đoán rằng sẽ hào búng lắm. Những cặp mắt kẻ viền đen đều hướng về chị. Chị ôm lấy cổ hân cù vào nách hân. Người Mỹ cũng cười, nhưng đầy vẻ nghi kỵ lạt lẽo.

Hân dẩy và né tránh rồi ầu đầu chị vào thành ghế.

— Đừng dẫn nghe Jane.

Chị Năm trề môi, chụp vành tai hân xách lên.

— Muốn đứng dẫn thì đi chỗ khác chơi, chỗ này không phải để cho những kẻ đạo đức giả như mày.

Tên Mỹ cười nhạt; nhưng sau cái nhún mày, hân ôm sát chị Năm hơn.

Chị Năm vùng vẫy làm vẻ hơn đối:

— Tao mệt, mày đi chỗ khác đi.

Hân cười hi hi lòi chị Năm ngồi lại. Chị la:

— Thôi đi người «đứng dẫn» Buồng tao ra!

Rồi chị hát hân, cất cao tiếng:

— Cho uống đi, tao đâu có thi giờ đầu lảo với mày.

Hân cười khẩy đáp:

— O. K. tao sẽ mua cho mày uống nhưng với một ly Saigon-tea mày phải nghe tao nói một câu thôi. Bằng lòng thì tao cho uống lập tức.

Chị Năm khinh bạc.

— Ừ kêu đi, tao bằng lòng đó. À! mày có bao nhiêu tiền?

Hân rùn vai:

— Mày cứ tha hồ uống, chừng nào nỗ banh bụng ra cũng chưa hết tiền của tao mà.

Tôi hồi hộp không sao đoán hân sẽ lặng cho chị Năm lời gì. Thấy cách xưng hô sàm sỡ của hân và chị Năm tôi đâm lo và thu mình vào góc tối.

Chị Năm ông-ọo ngồi xuống ghế đưa tay sửa lại mái tóc rồi đồng dặc:

— Kêu đi.

Hân gọi người bồi:

— Một ly whisky và cho cô Jane ly trà Saigon mau.

Hân cầm ly whisky nốc một hơi cạn hơn phân nửa. Người bồi mang ly trà con đặt trên bàn. Hân cầm ly đưa cho chị Năm. Mồi hân mím lại: Bồng hân gần giọng:

— Uống nước đãi tao đi Jane.

Lời nói thô cứng tàn nhẫn đập vào thái dương tôi, làm tôi run rẩy.

Đưa ly lên môi chị Năm giữ vẻ thản nhiên uống ngon lành rồi đặt



lướt qua ngọm

truyện ngắn của Nguyễn Thị Thụy Vũ

ly mạnh lên mặt bàn.

— Nửa đi Bob, tao chờ những câu thâm tẻ hơn của mày đây.

Mọi người ngơ ngác nhìn nhau. Tên Mỹ rảo mắt khắp quán rồi tu thêm một hơi nữa.

— Uống nước đường mương, nước cống đi Jane. Chị Năm nheo mắt lại hùng hục uống như không thêm đề vào tai lời sỉ vả của hân. Tôi muốn chạy lại lôi chị Năm đi chỗ khác nhưng chân tay tôi vì giận và khiếp sợ nên hình như tê liệt đi.

Rồi đó, mỗi khi chị Năm uống một ly tên Mỹ moi hết trong đầu mọi thứ bả thiếu đề trút lên chị Năm. Có tiếng sứt sứt ở đâu đó mà tôi không rõ của ai. Mắt chị Năm sáng lên châm chọc nhưng không giấu được ánh phần nộ.

— Một trăm ly rồi ông à — người bồi nhắc khẽ.

Vai chị Năm hơi run như vừa uống rượu mạnh. Chị giục ly whiskey trên tay hân uống hết. Hân nhia chị Năm cười chua chát:

— Thôi Jane à, tao chịu thua mày rồi đó. Tao sắp hết tiền rồi.

Chị Năm kêu thêm hai ly whisky sec trao cho hân một ly. Chị đưa ly của mình lên môi, ực mạnh. Hân đứng chống nạnh nhìn chị Năm hăm hừ.

Bỗng một ngọm nước miếng từ miệng chị Năm bay ngang vào mặt gã, theo sau là tiếng cái ly vỡ tan từng mảnh vụn.

— Đồ man rợ!

Chị đưa hai tay bấu lên má hân. Bốn lần đỏ nổi lên da thịt hân. Hân chụp lấy cổ chị Năm xiết mạnh. Tất cả mọi người đều can chị Năm. Hân móc bóp trả tiền rồi đẩy cửa mạnh bước ra khỏi quán.

Chị Năm thở hồng hộc. Mùi rượu từ miệng chị xông ra nồng nặc. Tôi chạy vào buồng tắm, lấy chiếc khăn

lông nhỏ nhúng nước đắp lên trán chị.

Hai giọt nước mắt chảy dài trên má tái xanh của chị. Chị nghẹn ngào:

— Tỉa đường buồn. Vinh nhục trong nghề mà. Bọn mình có tử tế gì với bọn nó đâu?

Người ta thì thầm rằng chị đã cho hân ngủ ngoài công viên mấy lần và bị M. P. (quân cảnh) «xúc» rồi bị lột lon. Bây giờ chị phải nhận sự trả thù của hân.

Một chị bạn tên Cecile nói lớn:

— Chẳng này là Bob Murphy. Nghe đầu nó nhập vào nhóm chống Saigon tea. Bọn này kỳ quá, hơi nào mà ăn thua đủ với bọn gái bar? Nghề nghiệp của mình là để tiền khách. Ai biểu tụi nó đâm đầu vào đề mà thù hân. Đồ con nít một lũ.

Tôi đưa chị về. Vừa vào phòng, chị nằm sượng sượng như một cái xác chết. Tôi đem bộ áo ngủ trao cho chị và một viên thuốc an thần.

Chị nhìn tôi rồi lặng thinh.

□

Tôi đã bắt đầu quen thuộc những phòng ngủ trong đó thành nhất là căn phòng ấm áp của chị Năm mà tôi đã từng hò hẹn bao nhiêu lần với bọn Mỹ Kiều.

Một nhà Chiêm tinh khá nổi tiếng ở thủ đô bảo tôi thuộc cung Hoàng Nguu (Taureau) được vì sao Vệ Nữ (Kim Tinh) chiếu mạng hơn nửa tôi còn được «Nữ Thần Mặt Trăng» đi qua cung. Vạn sự thật ỉt. Tôi cũng tin như thế. Từ đây, tôi hoạt động về đêm và chỉ chường mặt với khách tìm hoa ngoại quốc bắt đầu trời ngả xế chiều cho tới giờ giới nghiêm. Nếu đêm nào đi ngủ với Mèo, tôi chỉ chợp mắt vào lúc hai giờ sáng. Giấc ngủ bị phá quấy đứt đoạn luôn. Để xử dụng cho đáng đồng tiền, khách tìm vui thường đánh thức tôi dậy mỗi đêm từ hai lượt sắp lên. Tôi

Lửa

truyện ngắn của...

ôm lấy kẻ đó trong tình trạng nửa thức nửa ngủ, tiếp nhận cuộc ái ân miễn cưỡng cho đến lúc tàn cuộc hồi nào mà tôi chẳng hay vì một quá tôi thiếp đi giữa lúc khách đang hành sự. Tôi chỉ là vì sao Vệ Nữ và mặt trăng sống hoàn toàn về đêm. Có nhiều lúc, đem mình ra so sánh với đào cải lương, tôi vụt thấy mình có tội. Thật ra một kẻ hoạt động vì nghệ thuật, một người thì mãi miết trong truy hoan vẫn đồng lấy khoảng đêm làm thời gian hoạt động để trở hết sở trường sở đoản của mình.

Tôi thường ngủ đến mười giờ sáng. Sau khi tắm rửa xong xuôi, tôi dùng cơm trưa luôn. Lúc đầu, nếp sống khác thường làm tôi ốm o, sụt cân rõ rệt. Nhưng về sau, tôi quen dần. Mình phải là nước, đứng trong chai nào cũng được.

Ba tháng gần đây, tôi công khai trang sức theo chị em đồng nghiệp. Tôi vẫn theo lời nhà chiêm tinh, Đề tạo lấy sự may mắn tôi thường mặc áo màu xanh lá cây, đeo nhẫn bằng đồng nam hột Saphir, chiếc nhẫn đó phải mua vào ngày thứ sáu lúc mười lăm giờ. Dù tôi thích các thứ nước hoa loại trầm hương như Tabu, nhưng vì lời dặn của ông ta tôi phải xài nước hoa hiệu Violette. Nhìn qua nhìn lại, tôi vẫn không sang nước hơn ai. Áo màu xanh lá cây làm tăng thêm vẻ yếu đuối bệnh hoạn của tôi. Chiếc nhẫn đồng nam Saphir diêm dúa quá như mĩa mai bàn tay mỏng manh trắng xanh của tôi. Tuy vậy; tôi bắt đầu được người tim hoa chú ý vì cái dáng dấp của tôi khác biệt dáng dấp của các cô khác. Sự e lệ, biệt lập và cô đơn cùng sự trang sức đơn sơ của tôi có thể lôi cuốn một số Mèo đứng tuổi, thích sự dịu buồn và trẻ trung, dù số đó ít

oi, Tôi có thể kiếm ăn được, chứ không còn ế ẩm như lúc đầu.

□

Hôm đó vừa đến quán tôi thấy Lan đứng chờ. Tôi chạy đến tát nhẹ vào má Lan gắt:

— Lan! Đừng đến đây thường. Đừng nên thăm tao nữa. Cái con Tú của mày bây giờ đã đi xa quá, Lan à. Lan bịt miệng tôi;

— Đừng nói bậy. Mỗi đứa phải chịu trách nhiệm lấy cuộc đời mình. Tao với mày lúc nào cũng vậy. Nhưng...

Lan ngừng một lúc:

— Tao phải chịu trách nhiệm tình thân đối với mày, Tú à.

Mắt Lan rung rung, tôi quay đi không dám nhìn bạo.

Tôi giục Lan.

— Mày về đi, tao đuổi mày đó. Đừng đến đây nữa nghe Lan.

Khi Lan quay đi tôi trở về ngồi vào quầy hàng. Máy chiếc quạt trên trần thì nhàu quay tít. Tôi ôm đầu ngbẽ ngợi. Bỗng một bàn tay phủ lông như tay con dả nhơn đặt trên vai tôi. Tôi ngàng đầu lên. Một tên Mỹ cao lớn, râu ria cạo nhẵn thín, nhưng vết cạo trên râu quai nón vẫn lam tối sẫm khuôn mặt hắc. Hắn nhe răng cười mơn trớn hỏi:

— Em tên gì?

Tôi trả lời cộc lốc:

— Tina.

Hắn lòi vào lòng rồi đặt lên bắp đùi hắc. Bàn tay hắc sơ soạng trên ngực và eo của tôi. Chị Năm thường nói với tôi là tội đàn ông Âu Mỹ lòng la như con dả nhơn, mỗi ngày phải cạo râu hai lần thì hành sự rừ rừ rừ rừ không nổi. Tôi sợ sệt nhìn cánh tay hắc.

Hắn buông thõng tay tôi tiếp tục cười.

— Ngủ với tôi đi.

Tôi đưa tay lên làm hiệu:

— Mười ngàn nghe.

Hắn lắc đầu.

— Mặc lắm, cưng ơi! Nếu mười ngàn thì em phải trả tiền phòng và tiền ticket.

Tôi lẩn đăm lấy bông phấn ra sửa soạn lại nhan sắc rồi xách bóp đi chỗ khác. Hắn chặn lại, đột ngột hỏi:

— Có lấy Tây chưa?

Tôi hơi ngạc nhiên hỏi lại:

— Hỏi chi vậy?

— Lấy Tây mới có « kỹ thuật » hay chứ. Mười ngàn cũng được nhưng phải biết làm ái tình thật giỏi ghen cưng.

Tôi vụt gạt đầu, quên tính rằng

với số tuổi hiện giờ của mình chỉ đáng là con của mẹ Tây thì đúng hơn. Nhưng tôi cũng nhận bừa. Hắn cũng chẳng buồn xem tôi có nhận ầu không? Vì tôi biết người Mỹ ít ai đoán đúng được tuổi con gái Việt. Họ thường nói rằng con gái Việt Nam trẻ nhưng sao nhiều tuổi so với dáng dấp con gái nước họ.

Chị Năm trao cho tôi xâu chìa khóa. Hắn lòi tôi đi ra ngoài.

... Cửa phòng của chị Năm mở ra rồi từ từ khép lại. Bây giờ mọi việc đối với tôi không có nghĩa lý gì để bận tâm nữa. Tên Mỹ hùng hực làm ai tỉnh dữ dội qua. Tôi cầu rằng cổ nhếch một nụ cười hưởng ứng, đầu óc chìm đắm trong sự rỗng tuếch mệnh mông. Bỗng gã xô tôi ngã ra quật:

— Đồ nói láo. Cô chỉ là con điếm mới tập sự mà dám bảo trước kia đã lấy Tây. Cô được bao nhiêu tuổi, hử?

Tôi hất mặt về phía trước. Gã điếm vào trán tôi nhiều:

— Tôi không hề khinh hạng đi nhưng tôi ghét thứ gái lương gạt.

Hắn mặc quần vào, móc một cuộn tiền ở túi bên hông quăng vào người tôi rồi hắn học:

— Có biết nằm lì như cái xác chết để mặc một mình người ta múa may.

Tôi rùng rai. Đầu óc tôi như tấm màn ảnh đề mầu chuyện « chị Năm uống rượu » chiếu lên rõ rệt. Tiếng giày « tên Mỹ dả nhơn » nện âm âm xuống cầu thang. Tôi lồm cồm ngồi dậy lượm tiền đếm rồi cẩn thận cất vào bóp.

Khi chải đầu trước tấm gương, tôi thần thờ nhìn bóng mình. Nét mày hếch dịch, chuôi mắt bén ngót, cặp má đỏ hừng hực và vành môi loang lổ vết son biền tôi thành Tina thật thụ rồi.

NGUYỄN THỊ THỤY VŨ



CON MẮT ĐÁ ĐEN



— 3 — TRUYỆN DÀI DƯƠNG NGHIÊM MẬU

BÓNG tối nhòa nhập khu vườn cây, những ngọn đèn sáng lên vàng úa. Minh vào thôi. Tôi đứng dậy. Hai cái chân tê dại. Anh có thấy là mình ít cử động quá không, tôi nghĩ tới một ngày mình không biết có những bộ phận dùng để làm gì. Người ngồi đập đập tay lên hai bắp đùi. Cái đầu của ông thể mà nặng góm chớ đầu phải chơ. Cái chân đang đưa. Khóc đổ hả. Phải, tôi vẫn khóc thầm, khóc thầm như một người con gái yếu đuối, tôi không hề khóc vì những đau thương trong đời mình phải chịu đựng; điều đó không có với tôi, tôi khóc vì những thất bại. Tôi đã thất bại. Đó là điều tôi không quên đi được, không lúc nào quên được. Ai cũng có những lần đau thương nhưng không phải ai cũng thất bại. Phải thế không. Anh không phải là người thất bại. Là gì à, anh là người ở trong một hoàn cảnh đau thương, đó cũng chỉ là một cách nói, tất nhiên...

Một khóm cây khô, con đường quẹo, ngôi nhà giải phẫu, đầu con đường; giáo đường một mình, hai ông thánh nào đứng ngoài cổng kia, hai ngọn nến cháy, một kẻ nào cầu nguyện, cầu nguyện cho cái gì, cho đôi chân dài ra, một chân thôi chứ, cho cái phôi lành lại. Sao ngồi lại làm gì, tôi không quên được hẳn, cũng là một thất bại nữa chẳng?

— Sao vậy?

— Cái chân tê quá bỏ ơi.

— Để tôi giúp.

— Tôi tưởng anh bỏ quên tôi rồi.

Bỏ quên, nếu bỏ quên, quên hẳn đi một ít điều, bỏ quên một ít người, như liệng một hòn đất xuống dòng sông, như đá bỏ hòn đá sang vệ đường. Bóng người ngồi lặng lẽ khô cứng như một hòn đá lớn trong biển đêm đen ngút, một hòn đá thấy mình có đó, làm sao được. Cái đầu ngúc ngắc, cái tay vịn lên lưng ghế.

— Coi chừng à, coi chừng ngã xuống cho coi.

— Thì vẫn ngã hoài, đến có cả hai chân còn ngã nữa là, anh thấy vậy không.

Tôi biết nó có đó. Tôi không quên. Nó có đó. Nó đứng lên. Cái chân nhẩy lò cò:

— Nhảy lên giúp tôi chút.

Hai cái nặng chống lên, cái đùi cụt ngùn đang đưa, hai cái nặng đưa về phía trước; cái chân bước theo. Tiếng động khô trên đường nhựa.

— Anh có bao giờ vào một giáo đường không?

— Không, cho dù tôi sinh ra trong đất Chúa, tôi vẫn là một tên Do Thái, người ta chắc không chịu những người như vậy, làm sao được phải không. Này, anh có khoái cái chuyện làm tháp Babel không?

— Sao nghĩ nhiều thế.

— Nghĩ gì đâu. Chuyện lên trời ấy mà, tôi không hiểu tại sao chúa lại không chịu cho dân Do Thái làm chuyện lên trời nhỉ, nếu họ lên trời được, cái tháp thành công...

— Nếu thế thì không có chúa, nếu thế thì ông Giêsu đâu có bị đóng đinh, nếu thế thì chúa làm gì có chỗ để dung thân, để ở ăn, mình nói làm nhầm quá, thực mình có biết gì đâu, chúa chắc là chuyện của người khác, ăn nhầm gì mà phải nghĩ đến cho mệt, anh muốn là dân Do Thái, là trời đất gì nữa cũng được mà... phải không...

— Chắc anh đã từng vào nhà thờ, vào làm gì trong đó?

— Một vài lần, làm gì à, có làm gì đâu. Vào rồi mình thấy tội nghiệp ghê.

Tiếng họ khan tiếng nặng khô trên mặt đường. Tôi cũng có lần quỳ gối với một rỗng không, tôi ngó nhìn những cử chỉ, nghe loáng thoáng những tiếng nhạc, những âm thanh đều đều nhẹ nhàng. Người ta lờ mờ thấy gì ở đó; tôi vẫn tự hỏi thế.

— Cái gì tội nghiệp, anh thấy anh tội nghiệp à, hay cái gì.

— Tội nghiệp cho chúa, người ta bắt chúa bị đóng đinh hoài, đã hai mươi thế kỷ như thế rồi, mà còn nữa chứ đã hết đâu. Tội nghiệp, phải thế không?

— Thôi, không nói tới chuyện đó nữa, nghe kỳ cục quá, nếu tôi mang một cái chân cụt thế này mà sống hoài; sống hoài, không được chết, không được... vậy thì mệt quá...

Một khóm cây khô; con đường quẹo, ngôi nhà giải phẫu, đầu con đường, giáo đường một mình; hai ông thánh nào đứng ngoài cổng kia, hai ngọn nến lao lét, con đường dốc xuống nhà xác, một cái cổng, khi cánh cổng mở ra cho người ta bước vào hay ra, vào hay ra? bây giờ thì đóng kín; đóng kín hoàn toàn, ngoài đó một con đường chạy thẳng vắng tanh, những ngọn cây cao vút. Những người chết đi qua dưới những bóng cây ấy; những người chết nằm im; những người sống bước đi cử động nói cười, khóc than thầm thì. Nơi đó phòng đợi, phòng đợi để tới một căn phòng hạnh phúc, hay phòng đợi để vào một địa ngục. Tôi muốn sống trong những căn phòng đợi, tôi không muốn tới đâu khác...

Con đường ven theo bờ cây cao xanh tối, mát con đường đưa tới một bức tường, bức tường lơ mờ sáng trong bóng tối, phải ở đó có một bức tường, một bức tường cao, trên mặt tường có những mảnh chai thủy tinh lộn sáo. Vượt khỏi bức tường ấy? Một thằng điên nào? Còn mình thì không bao giờ, không bao giờ, mình không lên, nhưng tại sao mình lại đến trong bệnh viện này, tại sao mình lại chưa bệnh, mình còn ham sống lắm sao, mình còn tiếc đời lắm sao, mình còn những mộng ước gì? Tôi cũng không biết nữa, tôi chỉ biết tôi đến đây, tôi đến đây, nằm trên chiếc giường... và bây giờ tôi đang bước đi trên lối đi này, một người bạn bệnh, những cây cỏ, không khí, những vách tường và đêm tối thân thiết dịu dàng. Không khí trong mát thân ái ơi, bóng cây em đêm ơi, những vì sao trên trời cao sâu đây ơi... Tại đây, tôi đây...

Trại một, trại hai, con đường rẽ thứ nhất, mái hiên tròn ngọn đèn chấu sáng. Trại ba, khoảng sân rộng, lối hiên vòng, bậc hiên đưa lên cao, hành lang màu vôi xanh lạnh, ánh sáng phẳng. Trại bốn, góc bệnh viện, những cây cao không nhìn thấy tàn cây trong bầu trời mun đục. Tiếng nặng gõ không gõ nữa:

— Buồn ngủ chưa?

— Chưa, chuyện gì?

— Mình ngồi ngoài này một chút đã đi, tôi cũng chưa muốn ngủ. Đêm tuyệt diệu quá phải không, vừa êm ái vừa hăm dọa, vừa sâu kín vừa lơ lửng, vừa nhẹ nhàng vừa nặng nề u uất...

Hai bóng đen, chiếc ghế không dựa, khoảng sân cỏ, những hàng gạch xếp nghiêng quét vôi trắng, lối đi vòng tròn trải đá đỏ. Hai chiếc nặng dựa sang bên. Ánh lửa lóe lên, đầu đèn thuốc sáng khuôn mặt nhỏ...

Tôi đã không muốn bước đi, tôi đã không muốn sống trong một vài khoảnh khắc, tôi đã về đó để chết, tôi không tìm thấy gì hết ngoài những di tích, những còn lại, những dấu vết, những hờ hững lạnh lùng và một quá khứ được kể lại như một đời sống, một đời sống đã chết đi, đã mất hẳn, đã chỉ còn lại những tử thi, những vỏ tri. Tôi phải sống lại, sống lại đời sống những người đã chết. Làm thế nào được. Như một định mệnh phải không. Một định mệnh gì vậy, một cái gì kỳ cục vậy... Tôi đã về đó, không làm khác được. Cho đến bây giờ, cho đến bây giờ...

Cho đến bây giờ... Cho đến bây giờ những tiếng động vẫn còn cồn cào đau xót muối mặn, vẫn còn ngất lịm choáng váng cùng với tiếng sóng vỗ êm đềm trong xanh, mơ mộng bọt trắng triển miên không ngớt trải rộng bay bổng, những xa ngút cánh chim bay không ngừng... Quê hương mù tằm, thơ ấu sống lên trong sáng những sớm mai thủy tinh không vẩn bọt, sáng lên long lanh hư ảo những bọt bong bóng bờ hồn trôi ra đầu cọng cỏ bay cao vỡ tan với tiếng cười ròn vỡ tư... Tiếng sóng đã trôi xa mờ hồ, tiếng vó ngựa đồ dồn thúc bách khôn nguôi, tiếng động giầy xéo trà đạp ran lên trong lồng ngực và tiếng súng nổ chát chúa mỗi lúc một như xé tan thêm những gì đã rách nát, mục rã. Tôi không chống lại được. Tôi không kháng cự lại được. Tôi không kêu được thành tiếng. Tôi không nói được bằng lời... Cho đến bây giờ, cho đến bây giờ... Tôi khóc vì thất bại; không vì đau thương... Anh biết rõ anh, thôi em đừng khóc nữa, cảm ơn em rất nhiều, mười mấy năm đã trôi qua không bao giờ anh còn nghĩ là sẽ gặp lại em, dù thế nào đó cũng là một hạnh phúc, một hạnh phúc không tròn, một hạnh phúc đã

vỡ... Em đã không gặp lại anh trong căn nhà đó nữa, anh đã đi khỏi với một địa chỉ không phải để em gặp lại anh, anh đã bỏ trốn em, phải không, sao anh không nói thẳng với em điều đó, anh đã muốn vượt khỏi anh những gì liên can đến em phải không, anh nói đi, anh nói thật với em đi, anh hãy nói thật với em như nói với chính anh, dù vậy em vẫn tin là em nghe thấy tiếng anh nói ở đâu đó rất gần gũi thân thiết với em, gần gũi thân thiết như anh đang ngồi bên em những ngày cũ. Căn nhà bây giờ đã lạ với em, em đã đứng đó chờ đợi, em cũng không hiểu em chờ đợi gì. Anh không còn chờ đợi gì nữa phải không, vì anh đã không còn chờ đợi em. Anh biết rồi em đã làm sao không. Anh lại cười ngạo nói em khóc chứ gì, em không khóc, phải rồi; em không khóc đâu, em đã ra bến xe, lên xe về tỉnh, đáng ra em còn một ngày chủ nhật để ở lại đây nhưng em đã đi ngay, lên xe em bỏ gói mứt me ra ăn; anh có thèm không, gói mứt me em mang lên cho anh đó, không có anh, anh đã trốn đi, em còn biết làm gì hơn là ăn cho hết trước khi tới tỉnh, em ăn trả thù, mỗi thù còn sót lại của tuổi thơ, có lẽ đó là mối thù cuối cùng còn lại mà em nhận ra nó. Em không giận anh; không ức anh như những ngày nào, nhưng em đã sống những ngày buồn bã tiếp theo. Em không hiểu được anh đang sống ở đâu; với anh bây giờ em chỉ còn lại một tên gọi, số một hộp thư trong nhà bưu điện, con số vô tri, có khác chẳng số một người tù và danh nào đó, có phải anh đã chọn cho anh vậy không; có phải anh đã muốn lạ với em không... Dù thế nào đi nữa em vẫn nghĩ anh chưa quên em, không bao giờ quên em. Không có anh chắc em đã có hạnh phúc. Không phải vậy đâu anh, anh đừng nói với em thế, không bao giờ em nghĩ vậy. Không có anh chắc em không bao giờ nghĩ đến hạnh phúc. Bây giờ mất anh em không còn hạnh phúc để nghĩ đến nữa... Những bọt súng toé lên trắng sáng. Cơn bão đen lửa gió buốt chày suốt tâm thê, những giọt mưa cuồng toan sôi sả trút xuống không ngừng...

MÀ U thuốc bùng vòng lên cao; ánh lửa sáng đỏ, tiếng chiếc nặng xô động trên băng đá; tiếng ho khà khan, tiếng thở dài bài hoài:

— Anh biết hôm qua có ai ngồi chờ bọn mình đây không?

— Không, chiều qua tôi ngủ một giấc thật dài, thật khỏe.

— Đáng tiếc.

— Gì vậy, gì mà đáng giá thế.

Nụ cười bùi ngùi, đôi mắt lơ đãng.

— Đáng tiếc chứ, một hình ảnh hạnh phúc mà. Chiều qua tôi đứng trên hiên, chống tay trên tường vôi, nhìn xuống và gặp một cặp tình nhân ngồi đây, chắc chắn là tình nhân không phải là vợ chồng...

— Là vợ chồng không được sao, cũng hạnh phúc mà.

— Không, vợ chồng thì không được; tôi nhất định tin là tình nhân là tình nhân thì mới đáng nói chứ, là vợ chồng thì còn gì nữa... kỳ cục hử, mơ mộng ảo tưởng phải không thế thôi không nói nữa. Vậy đủ rồi. Họ ngồi ở ngay đây, chỗ này, chỗ tôi ngồi là anh con trai, chỗ anh ngồi là người con gái... hà hà vậy đó; thích không. Thôi mình vào đi, có y tá đang đi ra phía mình kia...

■ còn nữa

TIN, HY VONG, YÊU

Nguyên tác GUNTER GRASS



Bản dịch KHUẤT LÂM

MỘT thuở có một nhạc sĩ, tên hắn là Meyn và hắn thổi trompette thật là tuyệt diệu. Hắn sống trên tầng thứ năm của một tòa nhà chung cư, ngay dưới mái nhà, nuôi bốn con mèo, một con tên là Bismarck, và từ sáng đến tối hắn li bì với một chai rượu mạnh. Cứ thế hắn uống cho đến khi tai họa làm cho tỉnh rượu.

Ngay đến lúc này Oskar tôi cũng không muốn tin vào điềm này điềm nọ. Nhưng phải nhận là thời đó có rất nhiều điềm gở về những tai họa sắp đến. Tai họa đang đến trong những đôi ủng mỗi ngày một rộng và với những bước mỗi lúc một dài. Rồi thì anh bạn Herbert Truczinski của tôi chết vì một vết thương ở ngực, bởi một bức tượng đàn bà bằng gỗ. Người đàn bà không chết. Nàng bị giữ kín dưới hầm của viện bảo tàng nói là để tu sửa, nhưng là để giữ lại.

Nhưng người ta không thể giam tai họa dưới một cái hầm. Tai họa chảy vào ống cống, lan ra những ống dẫn gaz đi đến mọi nhà. Và khi người ta đặt nồi súp lên ngọn lửa xanh biếc, không một ai ngờ rằng chính tai họa đang hâm nóng bữa cơm tối.

Khi đám ma Herbert cử hành, một lần thứ hai tôi lại gặp Leo Schugger ở nghĩa trang Langfurh kể với lần đầu ở Brenton. Mồm sều rả Leo Schugger đưa hai tay thủ trong đôi găng trắng mốc meo chia đến trước mặt mọi người tờ lời chia buồn, cái lối chia buồn lửng lơ khó mà phân biệt giữa đau thương với vui sướng. Lần lượt hắn chia tay đến mẹ Truczinski, Guste, Fritz, Maria, đến bà Kater béo phì, đến già Heilandt, người thường giết họ mẹ Truczinski những con thỏ của Fritz vào dịp lễ, đến Matzerath người vẫn được coi là bố vợ của tôi; và ông bố rộng rãi, như thỉnh thoảng ông vẫn tỏ ra rộng rãi nhận trả hơn một nửa phí hỏa táng. Cả chú Jan Bronski cũng nhận được sự ái ngại của Leo Schugger dù rằng chú chả biết kẻ nằm xuống là ai, và sự có mặt của chú ở đám ma là chỉ để được gặp Matzerath và có lẽ cả tôi nữa.

Khi đôi găng của Leo Schugger chập chờn đưa đến nhạc sĩ Meyn, nhạc sĩ đến dự đám ma trong thường phục nửa trong đồng phục lính SA, lại thêm một điềm gở xảy ra, bỗng nhiên chiếc găng cũ mốc của Leo Schugger vọt lên cao bay mất, kéo theo Leo qua những ngôi mộ. Người ta còn nghe thấy hắn kêu rú lên, và những tiếng được

tiếng mất thoát từ mồm hắn dội xuống xem ra rất khác những lời chia buồn.

Không một ai tách khỏi nhạc sĩ Meyn, tuy vậy, được Leo Schugger nhận ra và đặc biệt chú ý nhạc sĩ đứng trơ trọi giữa đám người dự tang. Meyn luống cuống không biết làm gì với cây kèn trong tay, sau khi đã dùng nó trong đám ma một cách tuyệt diệu. Tuyệt diệu, bởi vì Meyn đã quay lại với chai rượu mà hắn đã bỏ được một dạo, bởi vì Herbert cũng cùng tuổi với hắn, và cái chết của Herbert có làm cho tôi và cái trống của tôi im tiếng thì đã khiến cái kèn của Meyn trời giông.

Một thuở có một nhạc sĩ, tên hắn là Meyn và hắn thổi trompette thật là tuyệt diệu. Hắn sống ở tầng thứ năm một tòa nhà chung cư, ngay dưới mái nhà nuôi bốn con mèo, một con tên là Bismarck, và từ sáng đến tối hắn li bì với một chai rượu mạnh. Cứ thế hắn uống cho đến khoảng cuối năm 1936 hay đầu năm 37 gì đó hắn gia nhập đội kỵ mã SA. Vào trong đội quân nhạc cây kèn của Meyn bắt đầu những lỗi lầm kỹ thuật, nhưng nó không ồn tuyệt diệu nữa vì, khi mặc vào người cái quần kỵ mã có chỗ ngồi bằng da Meyn bỏ chai rượu; và từ đó trở đi tiếng kèn của Meyn không còn gì hơn là những âm thanh to nhỏ.

Khi người lính SA Meyn mất người bạn lâu đời Herbert Truczinski mà cả hai trong những năm giữa 1920-30 đã từng tham gia một nhóm thanh niên cộng sản rồi bỏn xã hội Phương Hoàng Đỏ, khi mà bạn hắn được đặt vào lòng đất Meyn vớ lấy cái kèn và chai rượu. Vì hắn muốn thổi kèn một cách tuyệt diệu, chứ không phải chỉ đều đều; những năm tháng trong đội quân nhạc kỵ mã đã không làm hắn quên âm nhạc. Khi đến nghĩa trang Meyn tu một hơi rượu chót trước khi thổi kèn, và trong khi thổi hắn choàng thường phục ra ngoài quân phục, dù hắn đã định mặc quần áo nâu, dĩ nhiên là không đội mũ.

Một thuở có một người lính SA, người này lúc đang thổi kèn một cách tuyệt diệu trên mộ bạn, sau khi uống thật nhiều rượu, cổ phủ áo ngoài lên bộ đồng phục của lính kỵ mã SA. Khi Leo Schugger, một mẫu người thường gặp ở các nghĩa trang tiến đến chia buồn, những người dự tang đều nhận được lời phân ưu, riêng có người lính SA là không được nắm lấy chiếc găng trắng của Leo, bởi vì Leo nhận ra người lính SA rú lên sợ hãi và rút lại cả chiếc găng lẫn những lời phân ưu. Người

Hob SA ra về với một cây kèn lạnh ngắt và không một lời thông cảm. Về đến căn phòng sát mái nhà hắn thấy bốn con mèo hắn nuôi.

Một thuở có một người lính SA, tên hắn là Meyn. Như một kỷ vật của những ngày mà hắn uống rượu li bì từ sáng đến tối và thối kèn thật tuyệt diệu. Meyn vẫn nuôi bốn con mèo, một con tên là Bismarck. Một ngày kia người lính SA Meyn, sau đám tang người bạn thân yêu buồn bã trở về nhà — buồn bã vì có kẻ đã tỏ ra thiếu thông cảm — và chỉ thấy riêng mình với bốn con mèo. Lũ mèo cọ vào đôi ủng kỵ mã của Meyn và hắn cho chúng một tờ nhật trình đầy dầu cá. Lũ mèo thối không cọ vào chân hắn. Hôm đó hơn hôm nào hết căn phòng của Meyn nồng nặc mùi của bốn con mèo — cả bốn con đều là mèo đực, một con tên là Bismarck chân và trắng. Thế nhưng Meyn thì không còn một giọt rượu nào trong nhà cả, cho nên cái mùi khó chịu của lũ mèo lại càng thêm khó chịu. Meyn có thể đã xuống mua rượu ở nhà tôi nếu căn phòng của hắn không ở tầng thứ năm, ngay sát mái nhà. Vì hắn ngại lên xuống cầu thang và ngại hơn nữa là gặp mặt những người láng giềng, những người này đã nhiều lần được thấy và được nghe hắn thề rằng là từ giờ trở đi không một giọt rượu nào lọt qua được đôi môi nhạc sĩ của hắn, rằng hắn đang bước vào cuộc đời mới triệt để điều độ, rằng khẩu hiệu của hắn lúc này là kỷ luật và mục đích, dứt hẳn những ảo ảnh của một tuổi trẻ lông bông không mục đích.

Một thuở có một người tên Meyn. Một ngày kia trong căn phòng sát ngay mái nhà hắn thấy có mỗi một mình với bốn con mèo, một con tên là Bismarck, và cái mùi xông lên trong phòng hôm đó đặc biệt khó ngửi với hắn vì ngay từ sáng sớm hắn đã gặp chuyện bực mình, và cũng vì trong nhà hắn không còn một giọt rượu. Khi cơn khát và sự bực bội, cộng thêm với mùi của lũ mèo lên đến một độ nào đó Meyn, một nhạc sĩ chuyên nghiệp và cũng là một cây kèn trong đội quân nhạc kỵ mã SA, vớ lấy thanh sắt cời lửa dựng cạnh cái lò sưởi lạnh tanh và bỏ vào lũ mèo cho đến khi có thể nói rằng, dù trong phòng vẫn còn sắc mùi mèo, mèo không còn nữa. Kể cả con mèo tên là Bismarck.

Một thuở có một người thợ đồng hồ, tên ông là Laubschard và ông sống ở tầng thứ hai một tòa nhà chung cư, trong một gian hai phòng có cửa sổ nhìn xuống sân dưới. Người thợ đồng hồ Laubschard sống một mình không vợ con và là hội viên của tổ chức An lạc Quốc xã và Hội Bảo vệ súc vật. Ông là một người tốt bụng thường giúp đỡ người già cả yếu đuối, thú vật ốm đau cho đến đồng hồ hỏng lại chạy được như mới.

Một buổi chiều kia người thợ đồng hồ ngồi tư lự bên cửa sổ, nghĩ vơ vẩn về đám ma của người láng giềng mà ông vừa đi đưa lúc sáng. Ông thấy nhạc sĩ Meyn sống ở tầng thứ năm vác một cái bao tải đầy một nửa (cái bao tải giở giọt và hình như ướt ở đáy), đi xuống sân và ấn nó vào thùng rác. Nhưng vì cái thùng rác đã đầy đến quá nửa nên người nhạc sĩ phải khó khăn lắm mới đẩy được nắp thùng lại.

Một thuở có bốn con mèo đực, một con tên là Bismarck. Bốn con mèo này là của một nhạc sĩ tên là Meyn. Vì lũ mèo đực chưa thiến nay xông lên một mùi dữ dội thật khó ngửi, và vào một ngày vì những lý do đặc biệt mùi mèo cũng đặc biệt khó ngửi, nhạc sĩ Meyn đã dùng thanh sắt cời lửa đập chết cả bốn con, nhét xác chúng vào một cái bao tải, vác xuống bốn cầu thang và vùi vã ấn vào thùng rác để cạnh cái lưới đập thảm dưới sân. Vùi vã vì bao tải không phải là không thấm nước, cũng không phải là không thấm máu, và nó đang rỉ rờn rờn xuống cầu thang. Nhưng vì thùng rác đầy chầy, người nhạc sĩ phải cố nén cái bao hàng vào mới có thể đẩy nắp được. Người nhạc sĩ vừa bỏ đi một quãng hương ra phố — vì hắn không muốn quay lên phòng mình, bởi nơi đây dù không còn mèo vẫn sắc mùi mèo — thì cái thùng rác bị dồn nén bắt đầu phản ứng, dùn lên cái bao hàng, trên là cái nắp đầy.

Một thuở có một nhạc sĩ, hắn đập chết bốn con mèo của hắn, nhét chúng vào thùng rác, bỏ nhà ra phố và đi thăm bạn bè.

Một thuở có một người thợ đồng hồ ngồi tư lự bên cửa sổ để ý thấy Meyn, một nhạc sĩ, nén một cái bao tải đầy một nửa vào thùng rác rồi vùi vã bỏ đi. Meyn bỏ đi một lát thì người thợ đồng hồ thấy nắp thùng rác trồi lên và tiếc tục từ từ trồi lên.

Một thuở có bốn con mèo đực, vì vào một ngày đặc biệt cái mùi mèo của chúng đặc biệt khó ngửi nên cả bốn con bị đập chết, nhét vào một cái bao tải, và chôn vào thùng rác. Nhưng bốn con mèo, một con tên là Bismarck, chưa chết hẳn: chúng vẫn còn sống như giống mèo vẫn có tiếng là sống giai. Chúng lồm ngồm trong bao tải, làm bật cái nắp thùng rác và chạm trán với Laubschard, người thợ đồng hồ này vẫn ngồi tư lự bên cửa sổ với một câu hỏi: nhạc sĩ Meyn đã bỏ vào thùng rác cái bao tải trong đó đựng cái gì vậy?

Một thuở có một người thợ đồng hồ không thể ngồi yên mà nhàn khi có cái gì động đậy trong thùng rác. Người thợ đồng hồ bỏ cái cửa sổ ở lầu nhì, đi xuống sân, giở cái nắp thùng rác, mở cái miệng bao tải, lôi ra bốn con mèo đực thương tích đầy mình nhưng vẫn còn sống, đem về nhà chăm sóc tử tế. Nhưng đêm hôm đó bốn con mèo chết hẳn dưới đôi bàn tay vốn chỉ quen chạy chữa đồng hồ. Người thợ đồng hồ chỉ còn cách đưa đơn khiếu nại đến hội Bảo vệ súc vật mà ông là một hội viên, và tổ cáo một trường hợp đi man với súc vật với Đảng bộ của địa phương, một trường hợp chỉ có thể làm tổn hại đến uy danh của Đảng.

Một thuở có một người lính SA giết chết bốn con mèo bằng một thanh sắt cời lửa. Nhưng vì lũ mèo chưa chết hẳn nên chính hắn lại bị chúng «giết», và một người thợ đồng hồ tố cáo hắn. Việc lôi thôi ra đến tòa và người lính SA phải trả một số tiền phạt. Như vậy cũng chưa xong, giới SA còn đem chuyện này ra bàn cãi và người lính SA bị trục xuất khỏi đội SA vì cư xử không ra tư cách SA. Dù cho hắn đã tỏ ra cực kỳ can đảm

(xem tiếp trang 28)

LÉON TOLSTOI : NHÀ VĂN

NGUYỄN

Bài tiểu luận Khi Quả Táo Đã Chín sau đây của Tolstoi là bài giới thiệu phần thứ 9 của tác phẩm War and Peace của ông.

KHOẢNG cuối năm 1811 Tây Âu bắt đầu động binh tập trung lực lượng, và năm 1812 những lực lượng này, gồm hàng triệu người kể cả quân chuyển vận và quân tiếp tế, di chuyển về phía Đông đến biên thùy Nga Xô. Tại đây lực lượng của Nga xô cũng tập trung từ năm 1811.

Ngày 12 tháng 6, lực lượng Tây Âu vượt biên thùy, chiến tranh khởi sự, nghĩa là một biến cố xảy ra ngược với lý tính và bản chất nhân loại.

Hàng triệu người chống nhau gây nên vô số thảm tội, lừa gạt, gian dối, trộm cắp, giả mạo, lạm phát, cướp bóc, đốt phá, giết người, những thảm tội mà tất cả các tòa án trên thế giới tổng kết cả thế kỷ cũng chưa nhiều bằng; những thảm tội mà những kẻ gây ra lúc bấy giờ không cho là thảm tội!

Cái gì đã đưa đến biến cố lạ lùng này? Nguyên nhân của nó là đâu?

Các sử gia dễ dãi bảo chúng ta rằng nguyên nhân của nó là nỗi nhục nhã mà quân công Oldenburg đã chịu đựng, là tham vọng của Napoleon, là sự cương quyết của hoàng đế Alexander là lỗi lầm của các nhà ngoại giao và vân vân...

Theo họ thì giả sử như chỉ cần Metternick, Rumyantsev hay Talleyrand chịu khó viết những bức thư ngoại giao đúng đắn, hoặc giả Napoleon chỉ cần viết cho Alexander rằng: « Tôi bằng lòng phục hồi danh dự và trả lãnh thổ cho quân công Oldenburg », thì chiến tranh đã chẳng xảy ra.

Chúng ta sẵn sàng hiểu rằng đây là những quan điểm của người đương thời đối với nguyên nhân cuộc chiến đó. Chúng ta sẵn sàng hiểu quan điểm của Napoleon cho rằng nguyên nhân cuộc chiến là do ở âm mưu của Anh quốc (như ông đã nói ở St. Helena). Chúng ta cũng lại sẵn sàng hiểu theo quan điểm của Quốc hội Anh cho rằng nguyên nhân cuộc chiến là do ở tham vọng của Napoleon. Còn theo quân công Oldenburg thì cuộc chiến xảy ra là do ở nỗi nhục nhã ông phải chịu đựng. Giới thương mại thì cho rằng cuộc chiến là do ở hệ thống tổ chức đã làm tàn rụi Âu Châu. Các binh sĩ và giới tướng lãnh lại cho rằng nguyên nhân chính dường như là do ở nhu cầu hoạt động của họ. Trong khi đó các nhà ngoại giao đương thời lại cho rằng nguyên do là ở hiệp ước ký kết giữa Nga và Áo năm 1809 không cẩn thận, không cho Napoleon biết, và bức giác thư số 178 đã viết một cách vụng về...

Nghĩa là chúng ta sẵn sàng hiểu rằng người đương thời đã tin những nguyên nhân trên là nguyên nhân của cuộc chiến tranh. Và còn vô số nguyên nhân khác tùy theo quan điểm khác nhau của mọi người.

Tuy nhiên đối với chúng ta, là người của thế hệ sau, nhìn được toàn diện bao quát cả sự kiện, muốn đi sâu vào cái ý nghĩa quan trọng của cuộc chiến kia, thì những lối giải thích vừa nêu trên chưa phải là đủ.

Chúng ta không thể quan niệm được rằng hàng triệu người Công giáo lại có thể giết nhau, hành hạ nhau chỉ vì Napoléon đầy tham vọng hay Alexander quá cứng rắn, hoặc chính sách của Anh xảo quyệt hay quân công Oldenburg bị nhục!

Chúng ta không thể nhận ra được mối liên lạc nào giữa hoàn cảnh các nhân vật và sự kiện của cuộc chiến. Chúng ta cũng không hiểu tại sao sự sai lầm của một quân công lại làm cho hàng ngàn người ở phía Châu Âu lại qua cướp phá giết hại dân chúng ở Smolensk và Moscou rồi bị họ giết lại.

Chúng ta người của thế hệ sau, chúng ta không là sử gia đi tìm khảo cứu và bị lôi cuốn bởi tài liệu, chúng ta có thể nhìn thấy một cách sáng suốt theo lương tri đâu là vô vàn nguyên nhân của cuộc chiến tranh kia. Càng tìm ra nhiều nguyên nhân ta càng thấy nhiều lẽ phức tạp. Và mỗi nguyên

TRIỆU'C MỘT CUỘC CHIẾN

nhân hay mỗi loại nguyên nhân — gồm nhiều nguyên nhân đồng tính — như thế tự nó đích thực là nguyên nhân chính; và cũng tự nó giữa vô vàn nguyên nhân khác, so với cái hậu quả quá lớn lao của cuộc chiến, mỗi nguyên nhân nhỏ chẳng là gì cả nếu không có nhiều nguyên nhân liên hệ khác.

Chẳng hạn như nguyên nhân do Napoleon gây ra khi ông từ chối không chịu rút quân qua bên kia Vistula, và không chịu trả lãnh địa cho quận công Oldenburg. Nếu như một người lính không chịu đi dự cuộc chiến đó, người thứ nhì, thứ ba và nghìn người vừa lính vừa hạ sĩ quan do dự không đi, thì quân của Napoleon đâu đủ người mà dự chiến, và như thế chiến tranh hẳn chẳng xảy ra.

Nếu Napoleon không lấy làm nhục trước lời yêu cầu rút quân qua bên kia Vistula, và ông đừng cho quân tiến tới thì đã đánh chiến tranh không xảy ra. Nhưng nếu toàn các viên đội trưởng không thích dự chiến (dù Napoleon muốn) thì chiến tranh cũng không xảy ra vậy.

Cũng vậy, cuộc chiến tranh đã không xảy ra với tất cả điều kiện là: nếu về phía người Anh không có âm mưu gì, nếu không có quận công Oldenburg, nếu Alexander đừng bắt binh, nếu ở Nga không độc tài, nếu không có cuộc cách mạng Pháp và không có nền tổng tài cùng nền đế quốc Pháp sau cuộc cách mạng đó, nếu không có những gì đưa đến cách mạng Pháp... nếu, nếu..., nếu..., nghĩa là nếu không có bất cứ lý do nào trong nhiều lý do, thì không có gì xảy ra cả.

Hàng vô số nguyên nhân gặp nhau để đưa đến những gì đã xảy ra. Bởi vậy không nguyên nhân nào là riêng biệt tự nó gây ra cuộc chiến cả. Cuộc chiến kia xảy ra là chỉ vì nó phải xảy ra. Hàng triệu người đã đánh mất lương tri và tính cảm nhân loại, họ phải di chuyển từ Tây sang Đông để giết đồng loại, có khác nào trước đây hàng bao thế kỷ các bộ lạc đi từ đông sang tây để giết đồng loại vậy.

Hành động của Napoleon hay Alexander là chỉ nói vài lời thì mọi việc có thể xảy ra hay không, hành động đó tuy vậy cũng không mấy tự ý hơn một người lính ra đi vì lệnh trưng binh, hoặc do sự đưa đẩy của số phận. Bởi vì lệnh của Napoleon hay Alexander muốn hiệu quả thì phải còn có vô vàn hoàn cảnh cần thiết mới thành được, không có, hoặc thiếu, một sự kiện nào bất kỳ ấy, thì không có kết quả theo sau.

Phải cần có hàng triệu người có sức mạnh, tức là những người bắn súng, chuyển lương thực, kéo đại bác... họ có thuận ý thì hành ý muốn của hai vị đại đế kia không thì sự việc mới xảy ra. Mà họ có thuận ý là cũng bởi bao nhiêu nguyên nhân phức tạp.

Vậy ra chúng ta buộc lòng phải trở về thuyết định mệnh trong lịch sử để giải thích những sự kiện vô lý (tức là những sự kiện ta không làm sao hiểu lý do của nó). Chúng ta càng giải thích sự kiện lịch sử một cách hợp lý thì càng thấy chúng vô lý và khó hiểu. Mỗi người sống cho riêng mình, dùng ý muốn tự do để đạt được mục đích riêng, và như tự thấy rằng mình có thể hành động theo ý muốn. Thế nhưng ngay khi họ làm một việc gì, tức thì hành động của họ trong thời gian đã là của lịch sử quá khứ, không thay đổi được, nó có một ý nghĩa định sẵn và không còn tùy thuộc sự lựa chọn một cách tự do nữa.

Đời sống mỗi người có hai bộ mặt: đời cá nhân được tự do phần nào trong những ước vọng tinh thần, vô hình, trừu tượng, và đời thành phần của tập thể luôn phải theo đúng những luật lệ phải theo.

Con người sống với ý chí tự do của mình một cách ý thức; nhưng khi phụng sự cho những mục đích lịch sử của nhân loại thì con người chỉ là một công cụ vô ý thức. Mỗi hành động của họ đều trở nên không thay đổi được, và hợp với hàng triệu hành động của kẻ khác trong thời gian để trở thành một giá trị lịch sử.

Lịch sử — nghĩa là phần đời sống vô ý thức của nhân loại trong đám đông, trong tập thể — lịch sử ấy biến mỗi phút giây của đời các vị vua thành những phút giây của riêng nó, thành những công cụ của riêng nó để đạt được mục đích của riêng nó.

(xem tiếp trang 27)

mắt nhỏ

rồi mai một lữ khi nào hôn giỡn
hôn giỡn nhau thật sự nghe em
đam ba bữa nếu vô tình gặp lại
chán hững hờ trên mắt nhỏ mấy giăng

□

áo moka sẽ thay bằng áo tím
màu tím già dấu vết lúc quen nhau
trả thù anh mỗi hồng tó rất đậm
tóc đang dài tay giặt bởi lên cao

□

và sẽ nói đến trăm lần chán lắm
nhưng vẫn ngồi yên lặng để nghe anh
thoáng trong gương thấy anh nhìn lơ
đang

sẽ ôm đầu và sẽ khóc rưng rưng

□

sẽ viết lên bàn những tên rất lạ
sẽ mỉm cười bôi xóa để trên anh
ngọt như thế anh sẽ buồn sẽ khổ
như mọi lần vì biết tính hay ghen

□

sẽ bắt chước một giọng ca anh ghét
mới hôm nào tát má để chiều anh
khi hôn giỡn trông vô cùng tội nghiệp
vẻ ngang tàng thách thức cũng xinh xinh

□

vẫn tha thiết mong người tình hôn giỡn
để đôi lần sống lại tuổi thơ ngây.
mà áo tường những thẩn thẩn đã tối
đã tối và đã lấy mang đi

□

nếu mai một em có tình hôn giỡn
sẽ vội vàng năn nỉ bé anh yếu
sẽ run run như lúc gặp ban đầu
sẽ viện cớ cả trăm ngàn kỷ niệm

□

em cũng biết anh còn nhiều nỗi khổ
nên khi yếu không làm nổi thơ tình
uối trơ anh bấy giờ như thế đó
răng giặt hờn và răng kiếu giùm anh

thư viết trên giấy xanh

tóc đêm nay có buồn không em nhỉ
trán có buồn và có nhớ anh không
mắt si ngáy có ngủ giấc yên lành
hay thao thức vì thiếu anh đắm đuối

□

môi tươi thắm giữa chiều uay có nói
người em yếu xơ xác tựa quê hương
mang đam mê như bão lốc trong lòng
mang khổ nhục nặng trong hồn tuổi trẻ

□

những ngón tay măng vẫn còn vệt lưa
núi gì đẩy vào những lúc xa anh
khi cô đơn em chạy trốn sau màn
có làm ướt má người yếu không thể

□

trong đêm tối có thì thầm kể lể
lời yếu đương tình tự với trăng sao
và khi gối một mình đơn chiếc quá
có mơ thắm giấy phút mới hôn nhau

□

môi kiêu hãnh có run lên khe khẽ
cổ mềm ra khi đọc hết thư anh
còn linh năng làm nghiêng ngả tâm hồn
hay khô héo hay ghen ngào tẻ tái

□

tóc em yếu thơm thơm mùi ngói mới
khi gió vào còn tha thướt như tơ
còn đủ kiêu như tiên nữ ven hồ
ngiêng suối tóc xuống lặn cùng mắt biếc

□

em yếu dấu cho hồi thắm một tiếng
mấy buổi chiều đừng lại có lâu không
và qua mây em đã gửi nỗi lòng
gửi mắt ướt hay môi sầu tóc rối

□

khi hồi ám chắc em yếu sẽ hỏi
lần đầu tiên anh trở giọng làm kiêu
và yếu đương như con suối giọt dào
tuôn xối xả như một giòng nước mắt

thoại quyền

lặng nguyên tân văn

căn nhà đó vẫn hoài hoài đóng kín
em e ngại ngồi nhìn tuyết rơi
sợ hãi không em khi tình yếu tìm đến
khua động những vùng trời ngủ yên
rồi sáng mùa đông nào chợt thức giấc
tình yếu đập cửa như trời trăn
nói thật buồn thật buồn và bỏ đi

□

điều tìm thấy trong những ngày yếu em
cuộc lãng du kiếm mặt trời hồng
tình yếu dấu sao cũng chỉ là huyền thoại
những khoảnh khắc buồn như an như
đi ngoài phố

điểm cuối cùng là sự mất đi
đành buông lòng những lời chùng chình

□

anh vẫn chọn mùa đông giá buốt
mùa đông thì lạnh và buồn
phải chọn nghe em phải chọn khi bắt
đầu già sống

kẻ giang hồ gối đầu bên giòng sông
như cây cầu chết cứng
mơ cuộc hành trình vào thiên nhiên
bằng nụ cười lãng mạn
mà cô may bám lấy vai anh
mà bầu trời những vì sao rất ướt

□

em mở cửa mùa đông và em buồn
đôi mắt còn ngái ngủ
em vẫn ngồi nhìn tuyết rơi
như một kẻ tật nguyền
như cây cầu chết cứng
mà tình ái là giòng sông bình thản trôi
qua

□

mùa đông sắp tàn rồi đó em
xin gõ cửa căn nhà lần cuối
gõ cửa và bỏ đi
hai tay đầy tuyết trắng



bầy ngựa hồng

tặng viên linh và
phạm kiều-tùng



bên kia cầu khánh hội

phải mượn có ghé thăm người chú
chỗ bạn bè đi lại rất siêng năng
phải làm như hồi hã vội vàng
nói rất bận nhưng đoán trời sắp bão

phải đàm chiếu như rất mê đọc báo
lỡ quen rồi chỉ thấy chữ P yêu
phải vô tư lãnh đạm mỗi khi chào
nhưng giấy lát đã thờ dài biết rít

phải nghiêm trang khi thay chú giảng bài
phải ăn nói như một người đứng đắn
nói cho êm và nhìn rất thẳng
chỉ vô tình liếc trộm những khi quên

phải suy tư không nghe thở rộn ràng
nghe bối rối ở sau lằn áo lụa
phải can đảm như chưa hề biết sợ
suốt năm tròn lần lửa tiếng anh yêu

và phải đi qua cầu khánh hội
phải tới con đường nhiều bóng cây
phải hỏi han những điều không có nghĩa
phải nhờ người trao hộ lá thư tay

thư viết vội như tình yêu vội đến
gửi vội đi không vội nhận bao giờ
già chưa biết ai lấy chồng rất vội
chỉ vô tình tìm lại những bạn xưa

giờ vẫn đi qua cầu khánh hội
lòng như thắm đã hết yêu rồi
những đam mê hóa thành dấu hỏi
và hồn nhiên tan vào bóng tối
bóng tối ngồi rình trên ngọn cây cao

những bạo hành vừa lên tiếng gọi
xâu chúng ta thành chuỗi lỏi đi
thôi cũng ráng giả cảm giả điếc
giả ngây thơ trước kẻ đui mù

lịch sử quay những vòng chóng mặt
xô nhau vào cơn lốc mật mùng
lỡ rơi mất cả niềm tin vốn mỏng
có thể là tôi có thể anh

buổi sáng trên đường tới sở làm
vẫn nghe lời thóa mạ sau lưng
vẫn để mặc những gai đời bén nhọn
đâm vào da té buốt vô cùng

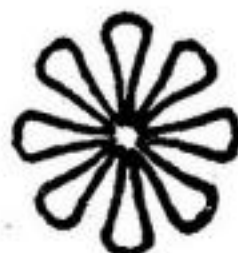
tôi với anh tình cờ giáp mặt
nhận ra nhau lạ mặt hay không
mỗi cuộc sống âm thầm nỗi chết
chúng ta đành ve vuốt nỗi đau riêng

như vậy đó hỏi sao không khóc
có kẻ nào viễn mộng như anh
gỡ mặt nạ và ta nhận diện
vươn tay sâu ôm trán phản ván

khi lãng đãng trôi vào mộng mị
vẫn nghe bầy thú dữ nằm bên
giơ nanh vuốt chừng như dọa nạt
lưỡi dao nào đâm trộm sau lưng

đời sống anh và đời sống tôi
là tranh vẽ những hình thù quái đản
chiếc xe đồ qua nhiều trạm hẹn
khi trở về mất bến bờ vơ

CAO THOẠI CHÂU những bài thơ tình





VUI VÀ BUỒN

NHỮNG tia sáng đỏ rực đảo ngược lên trời từ sau ngọn núi nhỏ trước mặt, nhạt dần rồi tan biến như trái hỏa châu cuối cùng. Con sông rộng vẫn bằng phẳng đi, không một dấu thuyền nào ngược về. Đốm lửa nhỏ của điều thuốc trên miệng Tấn chạy ngược lên dốc, giữa hàng xoan và giọng Tấn ồm ồm. Không có « hors bord » về, tao nói trước mà. Còn ngồi đó làm gì, tối rồi. Tấn tựa vào hòn đá như muốn lung lay nó. Tôi ném điều thuốc chưa cháy đến nửa, rỳ tay xuống hòn đá và nhảy xuống đất. Tấn muốn tôi nói chuyện, nhưng tôi thấy không có gì nói cả. Sống ở khu mỏ lộ ngay giữa rừng già, làm việc lưng húc với sự đổ kỵ của những người dân khổ sở tại chỗ, chúng tôi chỉ còn những an ủi nhỏ trong các thư từ Saigon ra. Năm ngày rồi tôi không có thư. Tấn ba ngày. Hai ngày trước, sau mấy giờ ngồi trên hòn đá, nhìn hút theo dòng sông hy vọng có « hors bord » mang thư vào, đến tối rỳ tay nhảy xuống đất tôi cũng muốn nói chuyện như Tấn bây giờ, để quên thất vọng. Nhưng bây giờ...

Hai đứa bắt đầu thấy sương che mờ dần các cảnh xoan trơ lá. Tấn lặc thốc chạy theo tôi xuống dốc lập đi lập lại:

— Bao lâu rồi Malon không gửi thư cho mày?

17 ngày. Tôi không muốn nói ra nhưng đến cuối dốc cũng phải trả lời cho thằng bạn lăm mồm. Nó là một cái lọc thật thưa, cái gì cũng qua được, không dính dáng lại bao

hiều. Nó có đầy đủ những gián dị của những người xếp thư cho tôi: sương. Vì thế nó giải quyết câu chuyện thật giản dị. Gửi thư về nữa đi mày. Ở trong đó họ sốt ruột, tức thì phải gửi thư ra. Tôi làm thỉnh đi theo nó về quán chạp phở nhỏ ở cuối con đường đất. Mẹ tôi có lẽ lại đau ốm gì đây.

Người đàn ông chủ quán thấy chúng tôi vào không vồn vã như mọi khi. Tấn đang chờ lấy gói thuốc, nghe tôi hỏi mua một bao thư có tem, kêu tôi:

— Tại sao có một?

Chắc là nó thấy tôi mỉm cười rất gương:

— Tao sợ mẹ tao lại đau ốm gì đây.

— Còn Malon?

Tôi không muốn trả lời vì thật ra tôi cũng chả biết trả lời thế nào để không là nói dối. Người chủ quán cầm gói thuốc trở lại đưa cho Tấn rồi vụt cầm tay tôi. Giọng ông ta thật khẩn thiết:

— Ông Phan, xin ông giúp dùm tôi việc này một chút. Tôi chưa biết nhờ ai hết. Nghe nói ông học năm thứ mấy Đại học đó, chắc là ông biết.

Kéo tôi vào nhà trong, chỉ đứa bé độ 3, 4 tuổi nằm trên giường, ông tiếp:

— Thằng nhỏ tôi tự nhiên hần nóng quá. Mới từ sáng đến giờ thôi. Nhờ ông xem hần bị cái chi ý.

Tôi định giải thích cho người gần như suốt đời ở trong rừng kia biết là một sinh viên luật không dính líu một chút nào với y học cả, nhưng

tôi lại đến gần đứa bé và đưa tay sờ vào chiếc trán nhỏ nhắn nóng hực của nó. Chắc là đến bốn mươi độ chứ không ít. Nóng như thế này thì phải là « fièvre » thôi. Người đàn ông nghe một cách chăm chú như con bệnh xem toa của một thần y. Tôi đưa ý:

— Tôi nghĩ em bé bị « fièvre ». Ông nên cho em uống Tifomycine cho đỡ nóng rồi đưa đi bác sĩ ngay sáng mai đi.

Thấy ông ấy gãi đầu tôi lấy giấy viết tên thuốc đưa cho rồi theo Tấn leo ngược dốc trở về phía bệnh xá...

Tấn ở đây lâu hơn tôi hỏi:

— Ở đây mấy tiệm chạp phở ngoài thuốc cảm thuốc ho có Tifo không.

Tấn trề môi:

— Làm chó gì có. Cả trên bệnh xá cũng không mong có nữa là...

Tuy Tấn nói thế chứ hai chúng tôi cũng ghé vào bệnh xá. Có Tifomycine không? Cô mụ vườn lác đầu. Bệnh xá gì mà y tá bị V.C. bắn gãy giò ba tháng vẫn chưa có người thay, Tifo thì không có. Cái xứ gì...



Vừa từ ở miệng hầm chui lên, đang lo nkhom rửa lớp bụi than đọng nhem nhuốc trên mặt, tôi nghe anh lao công mang cơm trưa gọi:

— Ông Phan, ông Phan. Ông có thư ở Saigon ra. Hai ba cái lận.

Tôi ngừng tay lại, ngược lên. Tấn nhìn tôi mỉm cười:

— Về xem có thư của tao mang hộ vào cho tao với.

Tôi vội lấy tay áo quẹt ngang mặt phóng ra xe vừa dạn với lại:

truyện
PHAN TÙNG MAI

— Ăn luôn phần cơm của tao đi. Xong tôi sang số xe, phóng đi. Vào mùa lạnh, những khoảng nước đọng hai bên đường đẹp như mấy khu hồ Đà Lạt. Nhưng hôm nay đẹp hơn. Khi thấy tôi vừa huýt sáo vừa thẳng xe lại trước cửa phòng, ông thư ký già đưa sấp thư cho tôi.

— Có cả của cậu Tấn hai lá nữa đây.

Tôi đưa tay chào ông theo kiểu nhà binh. Ông quay lại khóa cửa :

— Tôi chờ cậu đấy. Biết thế nào cậu cũng sốt ruột, chứ không tôi về nhà ăn cơm rồi.

— Thì tôi chạy theo bác, mấy hồi:

— Nhưng sợ từ đây lên nhà tôi cũng làm cậu sốt ruột lắm rồi.

Tôi trở lại xe sang số. Ông thư ký chạy vội đến thò đầu vào :

— Vẫn rán cho 4 cái hột gà và nửa khúc bánh mì như mọi khi chứ.

Nhất bác rồi. Tôi rồ ga chạy luôn. Phải mua thêm tem gửi thư cho

Malon chứ. Hai cái mới được. Mà hai cái đủ không? Ừ thì ba vậy. Bánh xe bị hãm gấp lết dài trên mặt đường đất, nổi bụi lên mù mịt.

Tôi nhảy xuống chạy tuôn vào. Cho hai con tem. Bốn con cũng được. Cho hai con tem. Người đàn ông đang cặm cùi và chấp mấy mảnh ván thông, miệng ngậm ba cây đinh, đưa đầu chỉ vào trong. Cho tôi bốn con tem, tôi nói, 10 hơn, vào trong. Người đàn bà chạy ra, đưa vạt áo chấm nước mắt xong mới mở tủ kính ra lấy tem. Tôi nhìn kỹ hơn vào trong. Ngọn nến trắng lung linh trên chiếc giường tre, nơi đứa bé nằm. Tôi ái ngại :

— Em bé đã...

Người đàn bà lắc đầu, nước mắt tuôn ra thật nhanh :

— Nó « ngủ » từ sáng sớm.

Tôi thẩn thờ và nói như trách mình :

— Thế ra... vẫn chưa tìm được Tifomycine ? Ông chủ quán đâu ?

Tôi cầm những con tem với lưng keo bị chảy ra vì nước mắt người mẹ vô phúc, nghe giọng trả lời như than.

— Không tìm được. Suốt đêm hỏi mà không ai có. Ba nó định sáng ra sẽ đi qua quận vừa bỏ hàng vừa mua thuốc luôn. Không dè không kịp...

Đề từ già người đàn bà, tôi hỏi thêm một câu :

— Ông ấy đâu mà...

Tôi chỉ người đàn ông vừa ghép xong cái quách nhỏ xiu. Người đàn bà lắc đầu :

— Ba nó đi bỏ hàng rồi.

— Ông ấy không hay em bé... ?

Lại lắc đầu, thêm một tiếng thở dài :

— Có. Chính ba nó đi mời bác sĩ. Bây đây lo hộ cho cháu. Nó là con trai độc nhất ở nhà đó. Nhưng ở nhà còn đến bốn đứa con gái. Hôm nay mà lỡ chuyển hàng, nửa tháng đến lấy gì cho bốn đứa đó ăn ?

□

Buổi chiều tôi ngồi trên tảng đá, không phải để trông thư mà để nhia hai người đàn ông vác một cái quách học giấy đỏ, đi lên đồi.

Không có ai khóc cả.

Anh Văn dễ học

dễ nói lưu loát

Nhưng : kết quả sẽ không bao giờ đến khi :

— HỌC GẤP

— HỌC LẺ

— HỌC ĐỐT GIAI ĐOẠN

— HỌC CHO MAU hết sách vì : Đó chỉ là Danh Từ và những Danh Từ... Nhưng với thiện chí và kiên nhẫn học tuần tự từ lớp vỡ lòng (khóa 2 tháng).

Do giáo sư Hoàng-Xuân-Chung Tốt nghiệp văn bằng E. E. và P. E. : The Regent London.

Địa chỉ tham dẫn giảng : 39 đường Yersin Saigon.

Rồi đây bạn có thể VIẾT, ĐẶT CÂU đúng VĂN PHẠM

Đó là yếu tố tiên khởi dẫn bạn đến sự nói đúng cách và chính xác. Khi xuất ngoại, khi dự những kỳ thi văn đáp cũng như tiếp xúc thường đàm Có dạy cá nhân. Phiên dịch và những sách mới nhất hiện nay của Gillyray Wright (chỉ nhận 10 người). Nơi học lịch sử như ở Âu châu.

ĐÓN ĐỌC

Sự Đã Rồi

(LES JEUX SONT FAITS)

TRUYỆN ; JEAN-PAUL SARTRE

Bản dịch : TRẦN PHONG GIAO và
NGUYỄN XUÂN HOÀNG

GIAO ĐIỂM XUẤT BẢN

NHỮNG NGƯỜI SINH RA, TRƯỞNG THÀNH,
SẼ CHẾT VÀ SỐNG SỐT TRONG CHIẾN TRANH

ĐÓN ĐỌC :

Thằng Người

Tập truyện thứ 2 sau CÁI TÀNG 62 của

Phạm Quốc Hùng

ĐỂ NHÌN THÂN PHẬN MÌNH
ĐỂ SOI MẶT MÌNH TRƯỚC HIỆN TẠI
VÀ TƯƠNG LAI
ĐỂ KHÓC VÀ CƯỜI CHO CHÍNH
MÌNH MỘT LẦN



đường bay đôi cánh thanh

tân truyện Cung Tích Biền □ tân truyện Cung

(TIẾP THEO KỲ TRƯỚC)

TRONG sân tiểu đoàn nhấp nhánh ánh sáng những ngọn đèn bấm. Tiếng gọi nhau, những bước chân xéo trên nền sỏi, gió xao xác qua các ngọn cây cao, màn đêm như bị chọc thủng. Tôi trở ra ngoài ngồi trên mô đất cao nhìn về phương đông, một màu hồng tím nổi từ chân trời, những áng mây đen mang hình thù kỳ dị chồng chất nhau, hành tinh thấp dần xuống như sắp rơi mất. Những mái tôn phản chiếu dưới ánh trắng lơ mờ. Đêm thật trầm lặng. Qua cánh đồng yên tĩnh, xóm làng hiện lên từ xa khiêm nhường. Không một ngọn đèn. Không tiếng chim kêu. Những ao hồ dẫu mình trong làn nước bóng loáng. Tôi châm thuốc hút. Thăng ngồi bên

cạnh yên lặng. Mỗi chúng tôi đắm chìm trong một dĩ vãng. Có tiếng người gọi nhau bên kia con đường ngoài cổng doanh trại. Rồi tiếng xe rồ máy. Tôi nói năm giờ sáng rồi. Thăng không trả lời. Hà nội Saigon đang làm gì trong giây phút này, quê hương tôi mẹ già có trở dậy châm ngọn đèn sớm mai, em gái có dậy học bài; trong làng xóm xa gà có lên tiếng gáy, bò có nhai cỏ trong chuồng và sông và rừng, và những con thuyền có nhóm lửa trong khoang, tôi hút tàn thuốc, sao mai nhấp nhánh từ cao, chân trời màu hồng tím đã đổi thành màu đỏ tươi, những ao bèo trên mặt hồ cũng được thấy rõ hơn, không gian như có sương mờ, bên kia lộ bóng người thấp thoáng, Thăng nói đi uống chút cà phê cho sáng con mắt coi.

Quán cà phê mở cửa sớm với ngọn đèn dầu hiu hắt. Con đường đêm sương. Vắng vẻ. Xe đậu từng đoàn trước cổng. Từ quán cà phê ra chúng tôi ngồi ngay vào xe không qua cổng trại. Lên đường.

2

Đoàn quân rời thành phố khi mặt trời chưa mọc.

Bây giờ thì chúng tôi không còn gần nhau nữa. Chúng tôi là tiền sát viên cho nhiều đơn vị trong cuộc hành quân, thăng ngồi thiết vận xa, thăng đến phi trường chờ trực thăng vận để nhảy ngay xuống cùng biệt động quân khi có dụng độ lớn, thăng theo bộ binh, thăng đã ngồi trên phi cơ L19 với nhiệm vụ quan sát chiến trường và liên lạc với bản doanh. Chiếc Jeep mang tôi chạy trước đoàn GMC. Xe chạy âm thầm trong bóng tối. Tôi lên đạn, khóa an toàn rồi dặt súng vào bao. Người trung sĩ phụ tá ngồi đằng sau luôn luôn nhắc ống nghe để theo dõi mệnh lệnh từ bộ chỉ huy. Người tài xế chăm chú nhìn về phía trước, những đoạn đường gập ghềnh khúc khuỷu. Xe leo khó khăn qua một vài cây cầu đã bị mìn giật sập vừa được chữa lại. Bên kia cánh đồng mênh mông vắng lặng những đốm lửa được nhóm lên, ánh vàng yếu ớt nhá nhem trong liếp dừa, quê hương ta đó, nhà nhà nhóm lên hạnh phúc nhỏ nhoi và mong manh của mình.

Những chiếc M 113 đang trước dừng lại bất ngờ làm cả đoàn xe cũng dừng. Tôi đưa mắt nhìn về phía sau, một vài binh sĩ chống bá súng vào cằm ngủ ngon. Một số khác ngồi thu mình. Một số khác nữa nhảy xuống xe đi qua lề đường làm việc cần thiết. Mặt trời đã nhô lên khỏi chân trời. Những vì sao chết đột ngột. Bầu trời thanh thản làm tôi bàng khuâng. Tâm. Tâm. Tôi gọi tên một người con gái xa lạ, nhớ lại dạo còn ở một thị trấn miền Tây tờ mờ sáng tôi thường ra ngồi cầu tạt dòng sông trước nhà chờ bình minh lên để nhìn ánh sáng lướt thướt trên mặt nước, để nhìn hàng dừa bên kia bờ đổi màu và những chiếc ghe chèo rời bến. Chiếc M. 113 băng tới vòng sắt nghiêng xéo mặt đường. Đoàn chúng tôi nối theo sau, bụi bốc lên như sương mù. Mười giờ sáng cánh quân đã chia làm ba. Đoàn thiết vận xa là cánh giữa mở đường cho một tiểu đoàn bộ binh theo sau. Hai cánh hai bên vẫn là hai tiểu đoàn bộ binh. Bây giờ tôi mở bản đồ và thấy rõ tọa độ dừng quân và điểm xuất phát. Mười một giờ một GMC

trong đoàn chúng tôi bị mình. Máu đã chảy.

Đoàn xe phải dừng lại trong nửa tiếng và tiếp tục lên đường. Hai giờ nhiều đoàn xe vào một quận lỵ nhỏ. Ba khẩu 105 ly của chúng tôi và ba khẩu của một tiểu đoàn pháo binh thác thuộc hệ thống sư đoàn dừng lại tại đây. Nòng súng hướng theo vị trí hành quân. Mặt trời đã xế trưa. Ánh nắng như thiêu đốt. Mồ hôi chảy nhễ ươt cả áo quần. Tôi cảm thấy bồn thần, cần giấc ngủ, môi khô, bụng đói. Ông tướng từ trên máy bay ra lệnh chúng tôi phải đến điểm xuất phát làm sao cho trước ba giờ chiều. Hai giờ ba mươi xe đồ chúng tôi tại điểm xuất phát. Người Thiếu úy trong tiểu đoàn bộ binh nói với tôi:

— Từ đây chúng ta phải lội bộ năm cây số nữa là đến vị trí chiến đấu. Tôi mở bản đồ ra xem. Người thiếu úy nhìn vào bản đồ và tiếp, chúng ta phải qua con kênh này, đây là ngôi chợ nhỏ đây là những vườn dừa, anh thấy không, những vườn dừa vô tận. Người thiếu úy đề cây bút chì trên bản đồ, thiết vận xa tiến vào mặt này, đây là gò mả lớn, một con kênh nhỏ nữa, khi chúng ta vượt khỏi con kênh này anh bắt đầu gọi 105 ly nhà đạn vào cái xóm trước mặt.

— Trời sẽ tối mịt mùng là cái chắc.

— Không mình sẽ tiến vào đó lúc năm giờ. Lộ trình không gay go lắm trừ khi bị tấn công bất ngờ.

Đại úy tiểu đoàn trưởng đến, gương mặt ông rần rời nhưng không sao che dấu được sự mệt mỏi, ông nói với tôi:

— Chúng ta lên đường. Tôi hợp với miếng nước dầy mẩu bánh mì chạy lọt khô khan xuống cuống họng, đoạn đứng dậy đội nón sắt lên đầu. Binh sĩ nghỉ tản mác từ các bụi cây tập hợp. Sau khi nghe lệnh tiểu đoàn trưởng đoàn quân hàng ngũ tiến dọc theo con kênh. Nắng chiều đốt ngang hai bờ vai làm nóng ran lớp áo trận. Bây giờ chiếc L19 lượn thấp hơn để quan sát những cái xóm nhỏ phía trước. Đoàn thiết vận xa lội khó khăn qua những bãi lầy. Khó lắm đùn lên từ một vài ngôi nhà lá đơn sơ. Những em bé đứng ngơ ngác nhìn. Đồi sống dọc theo hai bờ kênh là đồi nghèo nàn lạng lẽ, chìm trong làn nước đục, ẩn núp dưới những cây so đũa lưa thưa, trên cánh đồng mênh mông như

Đoàn thiết vận xa mở đường qua con kênh, băng qua cánh đồng. Mười lăm giờ năm mươi. Chúng tôi tiến vào những khu vườn dừa. Trời có vẻ bớt nắng. Không gian thật im lặng. Tôi

mở bi đông ngậm một hộp nước. Cổ nóng khô. Tôi mệt. Có lẽ vì đêm qua trắng đêm. Tôi đã bắt được liên lạc với tất cả các cánh tiền sát viên bạn. Tất cả vào vị trí chiến đấu. Tôi bắt đầu gọi xạ kích vào cái xóm trước mặt.

— Kiên hưng II đây An thành 12 nghe rõ không trả lời.

— An thành 12 đây Kiên hưng II tôi nghe anh bốn trên năm.

Tọa độ ấn định pháo đội hai mươi tràng.

Một trăm hai mươi quả một trăm lẻ năm ly rơi vào đúng tọa độ. Những cột khói cuộn cuộn dâng lên. Đầu máy vô tuyến trên L19 Lang cho tôi tầm thước điều chỉnh và tôi lại tiếp tục gọi về nơi mấy con gà cồ đang chuẩn bị gáy liên tục:

— Kiên hưng II đây An thành 12 về trái hai trăm, tầm xa cũ. Mười tràng.

Tiếng đạn lướt xéo trên không trung nghe nhọn và ghê rợn. Nhưng vị tiểu đoàn trưởng chỉ tay về phía trước nói:

— Sự im lặng thật khả nghi.

Vừa dứt câu nói một tiếng nổ đoàn, tiếp theo một biển âm thanh toàn đại liên trung liên, rồi 57 ly từ trong xóm quật ra. Một chiếc M13 bốc cháy. Cái xóm nhỏ ẩn náu bên cạnh khu rừng có lối bốn mươi nếp nhà hiện từ lại không ngờ là nơi phát hỏa trước một lực lượng hùng mạnh của chúng tôi.

Nếu một ngày kia có ai ca ngợi sự thanh bình của đất nước, những bức tranh thôn dã, nếu có ai hỏi tôi về cuộc chiến hôm nay chắc tôi sẽ không trả lời, tôi sẽ dấu kín nỗi bàng hoàng khi đặt cây bút chì mở xuống một chấm đỏ và gọi bắn vào đó hai trăm quả đại bác. Những ngôi nhà đơn sơ kia sẽ bốc cháy, những đứa trẻ sẽ quần quai, nhưng làm sao hơn khi kẻ thù đã có mặt trong đó, trà trộn nhờ sự che chở của đám đàn bà trẻ nhỏ không khí giới.

— Đây An thành hai, Kiên hưng anh nghe tôi, WR 149 844 WR 158 234 WR 149 733 WR 158 759 pháo đội hai mươi tràng.

Tôi cũng thừa biết mỗi pháo đội bắn một tràng là sáu quả. Hai mươi tràng là một trăm hai mươi quả. Thật khủng khiếp. Nhưng chiến tranh chính là một định mệnh khủng khiếp. Đoàn chiến xa dừng lại. Tôi có cảm tưởng trong cái xóm nhỏ kia đang

mưa ra...
Mặt trời nghiêng...
đôi cánh, ánh nắng đã dịu dần,
bây giờ chúng tôi say sưa với chiến

trường như hai người tình đang hôn nhau quên cả không gian bên ngoài.

— Đây Khánh long, An thành anh nghe tôi, Điều hầu một điều hầu hai, điều hầu ba đã tiến vào tọa độ ấn định.

Tôi biết các cánh quân bạn đang tiến vào để siết chặt vòng vây. Từ L19 Lang cho tôi biết phía mé con kênh có hai chiếc xuồng khả nghi, cần bắn vào đó ít nhất bốn mươi quả. Tôi nghĩ bụng: hai chiếc xuồng bốn mươi quả. Kệ cha nó, cứ bắn. Có thể trên chiếc xuồng kia một cụ già đang ngồi chằm thuốc hút, có thể một thiếu phụ đang vá lại mảng lưới, nhưng biết đâu có thể đó là trạm liên lạc của địch với những máy truyền tin với những đặc lệnh khủng khiếp truyền ra tiêu diệt chúng tôi. Bắn đi. Cuộc chiến nào không có hàm oan, vinh quang nào không nước mắt. Và bốn mươi quả đại bác đã tàn phá hai chiếc xuồng rách nát.

Những cột khói đã bốc cao hơn. Trông xóm tiếng súng bắn ra càng mãnh liệt hơn. Trên nền trời xuất hiện ba chiếc chiến đấu cơ. Máy bay nhào xuống mục tiêu với những tiếng nổ chói chói. Những đám cháy tràn lan, bốc cao, mờ mịt. Vị đại úy nói:

— Tụi chúng nộp mạng cho mình đúng.

— Hàng ngàn quả đại bác nã vào trước, hàng trăm quả bom được ném xuống, đốt cháy sạch rồi chúng ta mới vào. Đánh giặc kiểu này tụi chúng có mọc cánh chạy cũng không thoát nổi. Đoàn chiến xa bây giờ phải dừng hẳn lại vì nhiều chiếc đã kẹt trong lầy. Chúng tôi được lệnh qua mặt và tiến vào làng. Tiếng súng từ các công sự phòng thủ của địch đã tắt. Hoàng hôn buông xuống chậm buồn. Ven những bờ kênh nhỏ bao bọc ngôi làng chúng tôi không thấy một dấu vết gì tỏ vẻ kháng cự. Với tôi, giai đoạn này kể như tạm hết nhiệm vụ một tiềm sát viên. Công việc còn lại như tảo thanh là của bộ binh.

Trong làng chằng chịt những giao thông hào. Địch đã rút lui bỏ lại những đường hầm trống hoang và những khu vườn vô cùng tiêu ma. Những nơi đặt các khẩu đại liên chỉ còn tro lại những mô đất và nhiều dấu máu loang lổ. Tôi tự hỏi: chúng bay biến đi đường nào. Khi tiểu đoàn bộ binh tiến vào sâu hơn những đám cháy còn nghi ngút, cột than hồng đứng trơ vơ, khói bốc nghẹn ngào, đàn gà chạy về không còn chỗ ngủ

(- xem tiếp trang 26)

đường bay đôi cánh thanh

● tiếp theo trang 25

kêu oang oác, những con bò đứng chết chây trong chuồng những vựa lúa nở ra thành những đồng gạo rang trắng xóa, ngoài Trung đạo này không có gạo ăn, miền Trung đang đói, miền Trung có biết lúa được chắt thành vựa tại đây cho lúa thiêu hủy. Dọc theo giao thông hào phía bên này một người đàn bà nằm chết bên cạnh còn hai băng đạn tiểu liên. Tôi tự hỏi có phải chị vừa bị cưỡng bách vào tham gia cuộc chiến này không, chị có biết cuộc chiến này không cần chị, nó phải bảo vệ chị, nó phải giữ gìn cho chị đủ bàn tay ấm áp để ru con chị ngủ bằng lời ca dao mượt mà. Tôi tự hỏi ai đã xua chị đến đây ai đã núp lén bên chị, bên mặt xem chị như một thứ vũ khí để chống đỡ với chúng tôi. Và chúng tôi phải bắn, chị ngã gục. Trên quê hương này chị là vật hy sinh vô danh. Chị là niềm tủi nhục bất đắc dĩ. Tôi muốn gọi to lên, muốn gào thét những đàn bà em bé bên kia hãy sớm ra đây, chung với tôi bài ca, chung nhau lời chào, đắp thêm con đường, mở rộng vòng tay.

Một vài người trung sĩ đã khám phá ra phía sau khu vườn có một ổ đại liên bị tiêu hủy.

Nhiều ngôi nhà hiện đang bốc cháy. Tôi băng qua hàng đậu thưa, súng cầm nơi tay lăm lăm đi về ngã tư nước. Trong bụi rậm rạp có hai thằng bé vùng chạy ra. Tôi hô to :

— Đứng lại, Một thằng trạc mười hai tuổi đứng lại đôi chân run bần lên. Còn thằng nhỏ kia chạy thẳng phóng mình xuống cầu ao trước mặt. Một loạt tiểu liên từ bên kia bắn rào qua, bọt nước tung lên và mặt hồ loang ra nhiều vết đỏ thẫm. Chúng tôi tiến vào lùm cây nơi hai thằng bé vừa chạy ra. Một ông già bị thương nặng nằm co quắp, một tay bị đứt lìa mặt bê bết máu, ông già bất tỉnh như được ném xuống đó với thân phận một con chó bệnh hoạn. Ông đại úy

đứng cúi mặt xuống như đầu vể xúc động. Lát sau ban quân y đến băng bó và đưa ông già lên bàn cứu thương. Đoàn quân vẫn tiếp tục qua những khu vườn xơ xác tàn tro khói bay đầy. Hơi nóng xông lên nồng rực, những thân cây đen đúa đứng trơ cành nhánh, tay chìa lên khung trời đen thẫm. Tôi cũng quên khuấy đi rằng mặt trời đã tắt từ lâu. Hoàng hôn cũng theo chân bay bổng và bóng đêm bắt đầu đè nặng lên không gian rộng buồn. Không có ngọn đèn nào được nhóm lúc này, chỉ có những đốm than hồng như những đôi mắt hờn oán. Không tiếng chim kêu, bây giờ chỉ còn tiếng trầm lặng ghê rợn, lời vô ngôn của những nòng súng đen ngòm chờ nghe tiếng động để nổ đoàng. Tôi theo dấu một con đường mòn đến cuối khu vườn chợt nghe tiếng khóc thét của một trẻ sơ sinh. Tôi bỗng dừng lại. Bóng tối trở nên một chiếc gương soi tôi chợt thấy di vãng mình như con đường dài thăm thẳm đầy lá khô và nắng chiều nghẹn ngào. Tôi bấm đèn soi qua mái lá nhỏ. Ánh sáng dừng lại nơi một khuôn mặt vô vàng, người đàn bà ôm đứa bé vào lòng như dùng hết tàn lực của mình để tẩu thoát. Nhưng người đàn bà khốn nạn kia đứng lên rồi run run ngã xuống.

Tôi ngồi bên thi thể người đàn bà như một đứa bé ngồi bên giấc ngủ của mẹ nó. Nhưng đứa bé sẽ chờ mẹ nó thức dậy.

Riêng người đàn bà này sẽ chọn một hành trình đơn lẻ với giấc ngủ miên viễn của mình. Đứa trẻ sống sót hôm nay mai sau sẽ nghĩ gì về mẹ nó. Tôi trải chiếc Poncho và đặt đứa bé nằm trong đó. Tôi cũng lúng túng không biết phải làm thế nào khi một lát nữa đây từng đàn muỗi, từng đàn kiến sẽ đến bu quanh nó. Nó sẽ khóc thét lên. Lời ru nào cho đứa bé vô tri biết đây là chiến trường cần im tiếng khóc.

Một tiếng nổ chát chúa phát ra từ góc vườn. Đó là một tiếng lựu đạn. Trước khi rút lui địch đã cài để ngăn chặn chúng tôi. Vị Đại úy quay sang phía tôi :

— Đêm nay chúng ta phải di chuyển ra khỏi khu này, và trú phòng nơi vị trí của đoàn thiết vận xa. Bây giờ chiếc máy bay trên cao vẫn liên lạc thường xuyên với cuộc hành quân. Tiếng của Lang cho tôi rõ các cánh quân bạn đã làm xong cuộc tảo thanh và đã dừng lại trên những tọa độ đã ấn định. Chúng tôi rời khỏi xóm nhà đây giao thông hào và lửa cháy. Mọi sinh hoạt đã chết lịm, con kinh nằm im lìm.

Mãi đến mười một giờ đêm tôi mới dùng bữa cơm tối. Người lính phụ tá nhóm bếp lửa bên cạnh chiếc thiết vận xa, anh ngồi co ro nói :

— Cơm chín rồi mà không có đồ ăn chuẩn úy ời.

— Hồi chiều sao chú không bắt cha nó một con gà bây giờ phải có châu không. Lấy gì mà ăn vậy cả.

— Ăn với muối là cái chắc.

— Tết tây mới có muối mà ăn.

— Có chó, người lính đứng dậy moi trong túi quần trang lấy ra gói muối tiêu anh ta đã mang theo ban sáng.

— Ừa, đói bụng quá rồi, đem ra đây mà chém ba hột coi. Tôi ngồi trên sàn xe 113, miệng nhai cơm, mắt nhìn về cái xóm nhỏ ban chiều còn hừng cháy. Những vì sao cao nhấp nháy trên bầu trời xa thẳm. Mây trắng bay chập chùng. Gió thổi mát rượi. Bốn ngọn hỏa châu thấp sáng đều đều trên vị trí để bảo vệ lực lượng. Người lính nói :

— Ăn rồi cũng không có nước mà uống.

— Múc cha nước dưới ruộng kia mà uống, tính toán gì cho xa xôi.

— Trời, nước bùn mà uống cái nổi gì. Đau bụng chết mẹ.

— Sức mấy mà ở đó kiếng với cũ. Có sống đến sáng mai không mà sợ đau bụng.

— Ăn nói nghe tổn thần chưa.

Tôi nhớ một đạo hành quân Chương Thiện, đêm ấy trời tối ngửa bàn tay không thấy, khát nước quá tôi cho bi đông xuống hồ nước vục nước lên uống, sáng hôm sau tôi tổn thần khi thấy trong cái hồ chật hẹp đó đến hai cái xác chết nổi linh linh bình máu me cùng màn nước dơ bẩn khắp nơi. Trăng đã lên. Khuôn mặt tròn vành vạnh tỏa ánh mộng lung. Những vì sao nhấp nháy đa tình. Ăn cơm xong tôi ngã mình trên sàn xe châm thuốc hút. Tiếng người phụ tá :

— Khuya nay tụi nó có dám ào ra đây ăn thua với mình không. đó chuẩn úy.

(- xem tiếp trang 30)



Léon Tolstoi

— tiếp theo trang 19

Mặc dầu năm 1812 Napoleon tin rằng dân tộc ông đồ máu hay không là do ý muốn của ông (như Alexander nói trong bức thư tối hậu gửi cho Napoleon) thế nhưng thực ra ông chỉ là nô lệ của những luật định đưa đẩy ông phải hành động đúng theo phần của ông trong tòa nhà của nhân loại, trong lịch sử. Trong khi đó ông lại tin rằng mình hành động cách tự do. Đó là ước vọng.

Dân Tây phương đã kéo qua Đông phương để cho người giết nhau. Và theo luật gập gờ của nguyên nhân thì hàng nghìn vạn nguyên nhân đã dẫn đến chiến tranh; cuộc chiến tranh kia: hệ thống tổ chức lục địa Tây phương sụp đổ nổi uất ức của quân công Oldenburg, cuộc tập hợp quân sĩ ở Phổ, tính hiếu chiến của hoàng đế nước Pháp cộng với khuynh hướng chiến tranh của dân tộc ông (người Pháp đã phải tốn phí quá nhiều). Rồi lại còn bởi sự ngoại giao giữa các nhà ngoại giao nữa (người đương thời cho rằng các nhà ngoại giao muốn giữ được hòa bình, song thực sự họ chỉ đốt thêm lửa tự ái

của cả hai phe) vân vân..., hàng triệu triệu lý do hợp lại gặp nhau trong sự việc định mệnh đó.

Khi quả táo đã chín, và rơi. Tại sao nó rơi? Có phải vì sức hút của quả đất? Vì cái cọng của nó đã héo? Vì nó đã bị mặt trời hun khô? Vì nó nặng quá? Vì gió rung? Hay vì cậu bé đứng dưới cây muốn ăn quả táo?

Không nguyên nhân nào là nguyên nhân cả. Chỉ là do tất cả liên kết lại thành điều kiện. Với điều kiện liên kết đó một sự kiện xảy ra cho đời sống có tổ chức, cho đời sống có cơ quan. Nhà vạn vật học bảo rằng quả táo rơi vì tế bào đã nở đủ, thì cũng có lý như cậu bé đứng dưới cây bảo rằng quả táo rơi vì cậu muốn ăn và đã mong cho nó rụng. Nhà sử học nói rằng Napoléon đi Moscow vì ông ấy muốn đi, và bị đánh bại là vì Alexander muốn đánh bại, thì cũng có lý và cũng vô lý như một người nói rằng ngọn núi cao kia ngã xuống chỉ vì nhát búa cuối cùng của người thợ đã đập xuống thêm vào vô vàn nhát búa của các người thợ trước.

Trong những sự kiện lịch sử thì những kẻ gọi là vĩ nhân chỉ là những nhân hiệu dán vào cho sự kiện có 1 cái tên. Và cũng như những nhân hiệu, các người gọi là vĩ nhân kia chẳng có liên quan chi mấy đến thực chất của sự kiện. Mỗi hành động của họ xem ra như thể do ý muốn riêng họ, thì theo ý nghĩa của lịch sử thực sự chỉ là hành động nô lệ của giòng lịch sử trước đó, và muôn đời vẫn là một hành động tiền định.

LEON TOLSTOI

(Trong tập Fifty Great Essays, 1964 các trang 391 — 395)

Nghệ Thuật

trả lời chung các bạn
hỏi mua báo cũ,
báo đóng tập

☐ Đề trả lời các bạn hỏi mua lại một số báo cũ chúng tôi lưu ý các bạn về giá tiền những số báo đó như sau :

— từ 1 đến số 19 : giá mỗi số 7 đồng (không kể số xuân) gồm hai số (14-15) giá 30 đồng,

— Từ số 20 đến số 35 : giá mỗi số 8 đồng.

— Từ số 35 trở đi : mỗi số 10đ.

☐ Nếu muốn mua báo đã đóng tập bìa (Simili), giá tiền như sau :

— Tập một (1-15) giá 200 đồng.

— Tập hai (16-30) giá 200 đồng.

☐ Tòa soạn không chịu trách nhiệm những số tiền các bạn gửi trong phong bì, đã có lần thất lạc.

Các bạn gửi cho bằng hai cách :

— Gửi bằng tem (số tem bằng trị giá tiền),

— Gửi bưu phiếu (đề tên quản lý)



ĐÓA HOA-KHÔI

Em tôi là đoá hoa-khôi

Tóc đen, da trắng đẹp thời nhất vùng.

Bông dựng tóc ngả màu hung

Khô vàng, cháy ngọn, rồi tung, toi bời.

Còn chi là đoá hoa-khôi

Người yêu vắng bóng, bạn thời lánh xa.

Em ơi !

Muốn cho nhan sắc mặn mà

Tóc huyền đen mượt... dùng mà BIOCRÈME

Bông hồng cài áo

Tuyên tập của NHẤT HẠNH

Lá Bối phát hành ngày 22-8-66

tin, hy vọng, yêu

• tiếp theo trang 17

trong đêm 8 tháng 11 (sau này thường gọi là đêm Pha lê) trong việc đốt đền thờ Do Thái trên đường St Michel ở Langfur, và dù công lao to tát của hắn ngay sáng hôm sau trong việc đập phá — vì quyền lợi của quốc gia — một số cửa hiệu được chỉ định kỹ càng từ trước, hắn vẫn mất cái yên ngựa trong đội SA kỳ mã. Vì đối xử đã man vô nhân đạo với súc vật tên Meyn bị gạch khỏi danh sách SA... Không đầy một năm sau hắn được nhận vào đoàn tự vệ — sau này sát nhập vào đội mật vụ waffen SS. Một thuở có một chủ hiệu thực phẩm đóng cửa tiệm vào một ngày trong tháng 11 vì ngoài phố đang có lộn xộn. Tôi theo thằng con Oskar, ông đáp chuyến xe số 5 đến cổng Langasser vi, cũng như ở Zoppot và Langfur, đền thờ Do Thái ở đây đang bị phóng hỏa. Ngôi đền cháy gần xong và những người lính cứu hỏa thì đứng gần đó hầu ngăn ngọn lửa lan qua khu lân cận. Bên ngoài ngôi đền tàn lụi nhiều người mặc đồng phục và thường phục đang chất sách vở cùng đồ thờ cúng và những loại vải vóc kỳ dị thành một đồng cao như núi. Hòn núi được châm lửa đốt, và người chủ hiệu thực phẩm liền nhân cơ hội mà sưởi ấm cả tâm hồn mình lẫn mười ngón tay trên đồng lửa công cộng. Nhưng thằng nhỏ Oskar thấy bố nó đang bận rộn và rục rủa vội vàng lỉnh về hướng đường Kho đạn, vì nó đang lo cho những cái trống thiếc sơn trắng đỏ của nó.

Một thuở có một chủ hiệu đồ chơi, tên hắn là Sigismund Markus, và ngoài những món đồ chơi khác hắn có bán những cái trống thiếc sơn trắng đỏ. Tên Oskar nói trên là kẻ tiêu thụ chính của món hàng này vì

tên đó là một tay trống chuyên nghiệp và không thể cũng như không chịu sống nếu thiếu cái trống. Cho nên nó vội vã bỏ cái đền Do Thái cháy dở mà đi về hướng đường Kho đạn, bởi nơi đó có kẻ giữ những cái trống của nó, nhưng nó tìm thấy kẻ đó ở trong một tình trạng mãi mãi không còn có thể bán trống thiếc trên cõi đời này nữa.

Bọn chúng, bọn lính chữa lửa mà tôi, Oskar, tưởng là tôi đã trốn thoát đã đến tìm đến Markus trước tôi, bằng một cái ban chải nhúng sơn bọn chúng đã viết chéo dòng chữ «Quân Do thái khôn nạn» bằng mẫu tự Suiterlin lên cửa sổ nhà Markus, rồi có lẽ ghê tởm cả cái chữ mình viết chúng đã dùng gọt giay da vào cửa sổ cho đến lúc cái bình dung từ gan cho Markus chỉ còn có thể đoan được thời Không thêm đi cửa chính bọn chúng vào trong nhà Markus qua lối cửa sổ bị phá; vào bên trong, bằng một lối riêng của chúng chúng đang đùa với các món đồ chơi.

Khi, cũng bằng lối cửa sổ vào trong hiệu, tôi còn bắt gặp chúng đang đùa nghịch. Vài tên đã tụt xuống để lại giầy vết có lộn nhon những nạt đầu chưa tiện trên những chiếc thuyền buồm, những con khi kéo đàn và trên những cái trống của tôi. Bọn chúng coi cũng giống nhạc sĩ Meyn, cũng mặc đồng phục như Meyn, nhưng Meyn thì không có đó, cũng như những người đang có đó không có ở những nơi khác. Một tên đã rút dao găm ra. Nó mở toang từng con búp bê một và như thất vọng khi chỉ thấy có toàn nạt của xỏ ra.

Tôi lo cho những cái trống quá. Bọn chúng không ưa loại trống của tôi. Cái trống của tôi không thể nào chịu đựng trước cơn giận giữ của chúng; nó không thể làm gì được chỉ đành lặng lẽ gục đầu. Nhưng Markus đã thoát được cơn giận giữ của chúng. Khi tìm đến văn phòng hắn chúng không gõ mà phá toang cửa để vào, dù cửa không có khóa.

Người bán đồ chơi ngồi sau bàn giấy. Như thường lệ hắn có đeo thêm hai ống tay áo ra ngoài cái áo ghi-xăm hang ngay. Vây gần trắng xóa trên vai áo chứng tỏ da đầu hắn không lành mạnh. Một tên SA với những con múa rối trên ngón tay chọc chọc vào người hắn bằng một con búp bê gỗ; nhưng Markus đã vượt ra ngoài sự đối thoại, vượt lên trên sự xúc phạm và sỉ nhục.

Trên bàn giấy trước mặt hắn có một cái ly không còn một giọt nước, chắc chắn những tiếng đập phá của hiệu bên ngoài đã làm hắn khô cổ.

Một thuở có một tên đánh trống tên nó là Oskar. Khi người ta lục lại cửa hiệu đồ chơi và lấy mất người chủ hiệu mà nó là thân chủ, nó nghĩ rằng thời buổi khó khăn đã đến với những tên đánh trống tí hon như nó. Cho nên trước khi rời cửa hiệu hoang tàn nó cố lấy được một cái trống còn nguyên và hai cái còn dùng được quàng vào cổ rồi bỏ đường Kho đạn quay về khu Chợ than tìm bố nó, ông này có lẽ cũng đang đi tìm nó. Hôm đó là một ngày trong tháng 11. Bên cạnh nhà Hát Tỉnh, gần trạm xe ca vài mệnh phụ ngoạn đạo và những cô gái xấu khủng khiếp đang bán những bài giảng kinh, xin tiền trong những thùng kính và cằng một tấm vải giữa hai cái sào với ba chữ rút từ chương thứ mười ba của Thư chung thứ nhất viết cho dân chúng ở Corinth trong Tân Ước. «Tin... Hy vọng... Yêu», Oskar tôi đọc và đùa với ba chữ này như để làm xức đùa với những quả bong: tuyệt đối tin tưởng, lòng tin chữa bệnh, cuồng tin, hy vọng mong manh, mũi Hảo vọng, tình tuyệt vọng, yêu một chiều, thất tình, yêu nhau lắm... Cả một quốc gia ca tin — đã vào chuyện «tin» rồi đó — tin vào ông già Nô en. Nhưng ông già Nô en thật ra là gã bán hơi gaz. Tôi thì tin rằng lòng tin có mùi hạt dẻ và hạnh nhân. Nhưng nó có mùi gaz. Người ta nói rằng chẳng bao lâu sẽ đến ngày Chủ nhật đầu tiên của Mùa Vọng. Rồi ngày Chủ nhật thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư của Mùa Vọng được mở ra, như người ta mở khóa gaz, để cho có mùi hạt dẻ và hạnh nhân khả dĩ khiến cho những người thật tha thích cần hạt dẻ có thể tin tưởng dễ dàng:

Người đang đến. Người đang đến. Ai đang đến? Đức Hai Đồng, Đấng Cứu thế? hay là gã bán gaz trên thiên đang voi cái đồng hồ gaz luôn luôn kêu tích tắc trong tay? Và gã nói: Ta là cứu tinh của thế giới này, không có ta các người không thời nấu gì được. Và gã không đòi hỏi nhiều, gã cho một giá phải chăng, mở cái khóa gaz mời chúi bóng nhoáng xong cho Thánh thần tuôn ra, để còn hăm dọa. Và gã bán chia những hạt hạnh nhân và hạt dẻ vừa được tách khỏi vỏ; và những hạt hạnh nhân và hạt dẻ này cũng tuôn ra cả gaz lẫn

anh thần. Cứ như vậy, lúc trời
nhiều dân chúng thật thà để
nhằm những gã bán gaz đang
ở các cửa hàng ra những ông
Nô-en và những đấng Hai đồng,
mọi cỡ và đủ mọi giá. Người ta
còn vào công ty gaz cứu rồi duy
tất, công ty này tượng trưng vận
hành bằng những cái đồng hồ gaz
xuống và sắp đặt một mùa vọng
là một giá thông dụng. Chắc hẳn
nhiều người tin vào sự giáng
nh mà mùa vọng này báo trước,
nhưng những người sống sót độc
tất sau mùa lễ một nơi này lại là
những kẻ không nhận được một hạt
hạnh nhân hay hạt dẻ nào — dù
ng mỗi người đều tưởng rằng ai
đang có phần rất hậu.

Nhưng sau khi lòng tin vào ông
là Nô-en hóa ra là lòng tin vào gã
bán gaz, không cần theo thứ tự trình
bày trong thư chung Corinthe, thư
đó ngay đến chuyện «yêu»: tôi yêu
ai, thiên hạ nói, ô, tôi yêu em. Em
nữa, em có yêu em không? Em có
yêu tôi, em, em có thực yêu tôi? Tôi
yêu cả tôi nữa. Và vì yêu nhau thiên
hạ gọi nhau là củ cải đỏ, thiên hạ
củ củ cải đỏ, thiên hạ củ củ cải đỏ, thiên hạ củ củ cải đỏ này cần
nào củ củ cải đỏ của củ củ cải đỏ kia. Và
củ củ cải đỏ kể cho nhau nghe những
chuyện về tình yêu huy hoàng giữa
củ củ cải đỏ với nhau trên trời, và củ
dưới đất nữa, và trước khi củ,
củ củ cải đỏ thì thăm với nhau, thì
thăm với tất cả sự chênh choáng
nào nao của cơn đói. Củ củ cải đỏ, củ
củ củ cải đỏ có yêu tôi không? Tôi yêu
củ củ cải đỏ.

Nhưng sau khi củ củ cải đỏ củ củ
củ củ cải đỏ chỉ vì yêu; và sự tin tưởng
vào gã bán gaz được công bố là
quốc giáo, sau «lin», và «yêu»
được xét đến trước kỳ hạn chỉ
còn cái nợ thứ ba trong
Thư chung Corinthe: chuyện «hy
vọng». Và ngay khi vẫn còn củ củ
đỏ, hạt dẻ và hạnh nhân để nhắm
nháp thiên hạ đã bắt đầu hy vọng
rằng chuyện này chẳng bao lâu sẽ
hạ màn — để người ta có thể lại
bắt đầu lại hay lại tiếp tục — hy
vọng ngay sau, hay ngay cả trong
hồi kết cục, được chấm dứt ngay
với chuyện tận cùng.

Tận cùng của cái gì? Người ta
cũng chưa biết nữa. Người ta chỉ hy
vọng nó qua đi cho sớm, trong ngày
mai, nhưng đừng hôm nay; vì người
ta phải làm sao khi sự tận cùng đến
thì linh như vậy. Và khi sự tận
cùng xảy đến, nó bị biến ngay thành
một sự bắt đầu đầy triển vọng; bởi

vi ở thế gian này sự tận cùng luôn
luôn là sự bắt đầu, và trong mỗi sự
tận cùng, kể cả sự tận cùng tận
cùng hết đều có hy vọng. Người ta
cũng sẽ tìm thấy câu như: Còn hy
vọng con người còn tiếp tục hy vọng
sản xuất nhiều hồi kết cục nữa.

Về phần tôi thì tôi không biết.
Tôi không biết, thí dụ như qua chòm
râu của những ông già Nô-en
người ta che giấu cái gì, hoặc
ông già Nô-en có những
gì trong cái đầu quăn trên
vai. Tôi không biết đóng và mở khóa
gaz ra sao; vì Mùa Vọng, mùa trông
đợi một đấng Cứu thế lại chảy hay
vẫn tiếp tục chảy, tôi nào có biết.
Mô' việc nữa là không biết tôi có
thể tin như tôi hy vọng là người
ta đang âu yếm đánh bóng những
cái khóa gaz để cho chúng sáng, sáng
nào tối nào, tôi chẳng biết, tôi cũng
chẳng biết thời giờ trong ngày có
nghĩa lý gì; vì yêu không biết đến
giờ giấc và hy vọng thì không có
chấm dứt, và tin thì không có giới
hạn, chỉ có biết và không biết là
chịu ép trong thời gian và giới hạn
và thường chấm dứt quá sớm trước
những chòm râu, những cái đầu,
những hạt hạnh nhân, nên tôi phải
nói thêm một lần nữa là. Tôi chẳng
biết, ô, tôi chẳng biết, thí dụ như
người ta nhồi cái gì vào những bọc
xúc xích, những cái bọc xúc xích
làm bằng ruột gì thì tốt; tôi cũng
chẳng biết nhồi thịt gì, dù giá cả
của mỗi loại tùy theo thịt nhồi
ngon hoặc dở đều bày ra đó; tôi
cũng không biết giá cả gồm có những
loại nào; tôi không biết trong những
tự điển nào người ta tìm ra tên cho
mỗi loại thịt xúc xích. Tôi không biết
với gì người ta nhồi vào những tự
điển hay những bao xúc xích, không
biết thịt gì hay không biết ngôn ngữ
của ai: ngôn ngữ chuyên chở ý
nghĩa, lại thịt chẳng mách cho. Tôi
cắt những khoanh xúc xích, anh mở
sách ra, tôi đọc những gì tôi ưa,
không biết anh ưa những gì? những
khoanh xúc xích, và những đoạn cắt
từ những bọc xúc xích và sách — và
chẳng bao giờ chúng ta được biết ai
bị buộc phải im lặng trước khi
những bọc xúc xích được nhồi đầy
trước khi sách biết nói, nhét đầy
những chữ nghĩa. Tôi không biết
nhưng tôi đoán rằng: Chính những
tên bán thịt đã nhồi đầy những tự
điển và những bọc xúc xích với
chữ nghĩa và thịt xúc xích, không
có tên Paul nào cả, chỉ có
tên Saul, và chính đó là tên

của vua Saul và vua Saul
đã mách cho dân chúng ở Corinthe
một thứ xúc xích vô giá gọi là tin,
hy vọng và yêu mà vua quảng cáo
là rất dễ tiêu hóa, và, cho đến ngày
nay vẫn vua Saul; tuy nhiên dưới
lốt này lốt nọ, lừa dân chúng lấy
tiền.

Riêng tôi, người ta lấy mắt của
tôi người bán đồ chơi, với hy vọng
trục xuất tất cả các món đồ chơi ra
khỏi thế gian này.

Một thuở có một nhạc sĩ, tên hân
là Meyn và hân thổi kèn thật tuyệt
diệu.

Một thuở có một chủ hiệu đồ chơi,
tên hân là Markus và hân bán những
cái trống thiếc sơn trắng đỏ.

Một thuở có một nhạc sĩ, tên hân
là Meyn và hân nuôi bốn con mèo,
một con tên là Bismack.

Một thuở có một tên đánh trống,
tên nó là Oskar và nó cần người bán
đồ chơi.

Một thuở có một nhạc sĩ, tên hân
là Meyn và hân giết bốn con mèo
của hân bằng thanh sắt cời lửa.

Một thuở có một người thợ đồng
hồ, tên ông là Laubschad và ông là
hội viên của hội Bảo vệ súc vật.

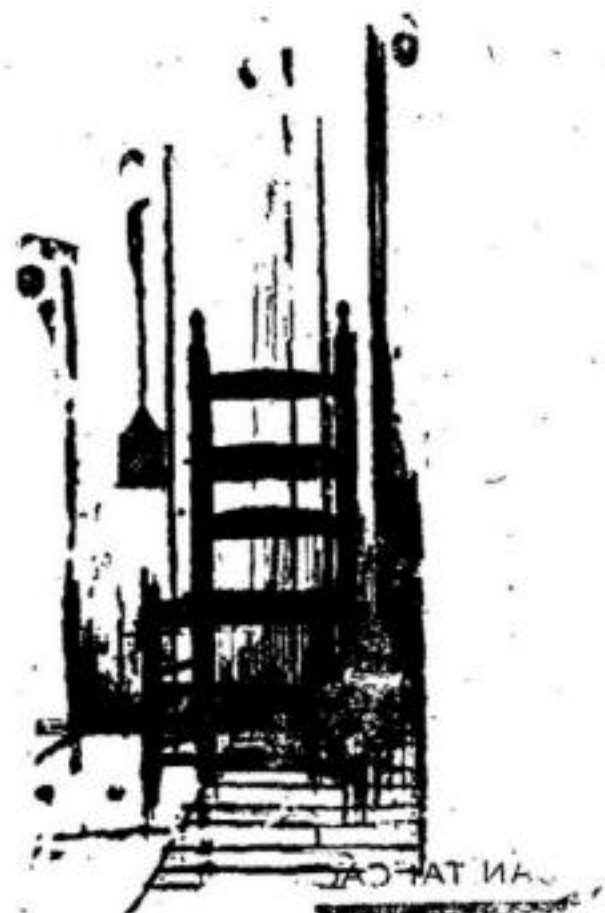
Một thuở có một tên đánh trống,
tên nó là Oskar và người ta lấy mất
người bán đồ chơi của nó.

Một thuở có một chủ hiệu đồ chơi,
tên hân là Markus và hân đem theo
với hân tất cả đồ chơi ở thế gian
này sang bên kia thế giới.

Một thuở có một nhạc sĩ, tên hân
là Meyn và nếu chưa chết thì hân
vẫn còn sống, lại một lần nữa thổi
kèn thật tuyệt diệu.

KHUẤT LÂM

Qua bản Anh ngữ «FAITH, HOPE, LOVE»
trong THE TIN DRUM của RALPH
MANNHEIM — FAWCETT WORLD LIBRARY
N. Y. 1965.



đường bay đôi...

■ tiếp theo trang 26

— Máy yếu thấy rõ, mình phòng thủ thế này, cả sư đoàn làm sao tụi chúng có thể tấn công nổi.

— Nhưng chúng có thể pháo kích bất ngờ.

— Còn khuya.

Tôi mở máy liên lạc xác định những tọa độ chung quanh nơi trú phòng để nhử yểm trợ. Từ phi cơ Lang vẫn gọi về tôi đều. Điều hâu một điều hâu hai qua kính lăng tử, Điều hâu ba đến thác cam ly, bảy giờ trưa sáu con gà cồ kéo về phương tây thêm bốn ngàn dặm. An thành anh nghe tôi không, tiếp tục, khi nghe kèn vang điều hâu bốn tiến theo điệu kèn, tọa độ AIB FNU. WR AIS NNO. Bốn điều hâu gặp nhau cùng đi tìm ông già tọa độ WR BAY YTR, WR BAY TTX... Tôi ghi nhận đặc lệnh di chuyển từ bộ chỉ huy. Một sĩ quan bộ binh tiến về phía tôi nói ngày mai chắc đụng đờ đờ. Tôi nói chắc chắn vậy. Tôi móc thuốc

mời anh ta, trên cánh đồng mênh mông những chiếc thiếc vận xa nằm lổ lổ, như những mô đất trong một địa hình trình bày thể trận, những chiếc lều được căng tạm nổi lên từ xa, những hình bóng xám đậm di chuyển trên những khoảng đất trống, vài ánh đèn nhấp nháy, trắng vẫn ngời sáng, gió thổi hiu hiu, cái gì lay động trong tâm hồn, tôi có cảm tưởng đây là cuộc dừng quân của những anh hùng tiền sử trên đường đi tìm lại mặt trời. Tôi bỗng nghĩ thấy mùi ngai ngái trên bộ đồ trận tôi mang bên mình. Đêm nào khiêu vũ. Tôi chọn từng màu áo, từng thứ nước hoa, họn từng con đường có bóng cây lá đổ để đưa em về, đón từng ngọn gió đa tình, nghe từng giọt âm thanh nhỏ xuống mặt mà. Đêm nào cũng trắng sáng tôi nói với em những lời mơ ước đời, ôi tình yêu như điệu ru thần thoại. Bây giờ hết rồi. Tôi đi sâu đắm mình trong cánh đồng nước mặn, cảm súng giết người như cầm đũa ăn cơm, vinh quang và đất bùn, giã từ em; giã từ ngọn đèn, con đường, cây cầu, mặt trời, xin chào những ô cửa nhà em, xin chào. Đoàn. Đoàn. Tôi nhón dậy nhảy phắt xuống. Trong bất ngờ đôi chân bị lún sâu dưới bùn, mất thăng bằng tôi ngã quỵ.

Những quả 81 ly gieo tới tấp vào khu vực đóng quân. Rồi những tràng đại liên bắn trả lễ nghe như cả cánh đồng đang nhún nhảy. Tôi nhao mình về phía trước nhặt lấy máy vô tuyến. Đoàn thiết vận xa bắt đầu tiến chậm về phía trước. Hàng trăm quả 105 ly yểm trợ nổ chung

quanh. Những trái chiếu sáng gấp rút nổ, bầu trời được nối rộng.

Mười lăm phút sau tình hình trở lại bình thường. Vị tiểu đoàn trưởng nói với tôi :

— Tụi chúng khuấy rối.

— Nhưng mà không làm ăn được gì.

Đại úy tiểu đoàn trưởng cầm đèn bấm đi về phía các đại đội. Tôi nói với người phụ tá :

— Kệ cha nó, bây giờ ngủ cái đã khuya quá rồi. Muốn đắm đá ma hằng hay. Tôi trở dậy nghe tiếng gáy vọng lại từ xóm xa, con gà sống sót. Trăng nghiêng về phương tây chênh chếch. Sương xuống ướt cái lớp poncho, phương đông đã rực rưng.

(còn tiếp)

Có thai...

ƯA MỪA

Bón... Mệt, Mỏi Lưng, có Huyết Dư. Hãy uống thuốc Dưỡng Tha hiệu NHANH MAI. Các tiệm thuốc Bắc đều có bán. Saigon do Nhành Mai 24 Trần khắc Chân (gần chợ Tân Định) KN. BYT. số 534 ngày 20-11-63.

Bạch đới

NHÀNH MAI

Huyết trắng ra nhiều, người gầy ốm xanh xao, mệt mỏi, hãy uống thuốc Bạch Đới và Tử Cung hiệu Nhành Mai. Các tiệm thuốc Bắc đều có bán Saigon do Nhành Mai 24 Trần khắc Chân (gần chợ Tân Định). KN, BYT số 594 ngày 18-12-63.

Xi rô và viên

CALVIT B12

SINH TỐ B12 CỘNG VỚI Calcium



Bồi bổ cơ thể suy yếu

Bổ phổi

Trị thiếu máu

Gây còm

Dưỡng sức

CẦN CHO :

Các bà thai nghén - khi cho con bú - Em nhỏ chậm lớn.

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



Kinh kỳ

KHÔNG ĐÚNG

Hoặc có kinh ra rất ít, đau bụng khó chịu, hãy uống thuốc Điều Kinh hiệu Nhành Mai. Các tiệm thuốc Bắc đều có bán. Saigon do Nhành Mai 24 Trần khắc Chân (gần chợ Tân Định)

KN. BYT số 594 ngày 18-12-1963

nghē thuāt

48

Léon Tolstoi Nhà Văn Trước Một Cuộc Chiến
Mai Thảo Văn Nghệ Và Cuộc Sống
Dương Nghiễm Mậu Con Mắt Đá Đen
Viên Linh Những Mái Nhà Thấp
Kiệt Tấn Cơn Buồn Ngủ
Cao Thoại Châu Những Bài Thơ Tình
R. Tagore Chinh Yên Tôn Giáo Của Thi Sĩ
Nguyễn Thị Thụy Vũ Lướt Qua Ngọn Lửa
Cung Tích Biền Đường Bay Đôi Cánh Thanh
Gunter Grass Khuất Lầm Tin, Hy Vọng, Yêu
Phan Tùng Mai Vui Và Buồn
Malraux Tô Thùy Yên Phận Người



Chủ nhiệm, chủ bút: MAI THẢO ☐ Thư ký Tòa soạn VIÊN LINH